

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI  
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN LỊCH

## BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI  
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN LỊCH

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

| TT | Họ và tên              | Chức danh,<br>chức vụ        | Nhiệm vụ              | Chữ ký |
|----|------------------------|------------------------------|-----------------------|--------|
| 1  | Vương Thoại Trân       | Hiệu trưởng                  | Chủ tịch hội đồng     |        |
| 2  | Lê Văn Hoàng           | Phó Hiệu trưởng              | Phó Chủ tịch hội đồng |        |
| 3  | Lâm Võ Nguyệt Quế      | Chủ tịch Công<br>đoàn        | Phó Chủ tịch hội đồng |        |
| 4  | Phạm Văn Quít          | Giáo viên - Văn<br>thư       | Thư ký hội đồng       |        |
| 5  | Huỳnh Thị Hồng Thắm    | Tổ trưởng<br>tổ chuyên môn 1 | Ủy viên hội đồng      |        |
| 6  | Lê Thị Kim Thi         | Tổ trưởng<br>tổ chuyên môn 2 | Ủy viên hội đồng      |        |
| 7  | Lê Thị Cẩm Loan        | Tổ trưởng<br>tổ chuyên môn 3 | Ủy viên hội đồng      |        |
| 8  | Đồng Thị Phương Giang  | Tổ trưởng<br>tổ chuyên môn 4 | Ủy viên hội đồng      |        |
| 9  | Lê Thị Thanh Xuân      | Tổ trưởng<br>tổ Văn phòng    | Ủy viên hội đồng      |        |
| 10 | Trương Thị Phi Nhạn    | Tổng phụ trách Đội           | Ủy viên hội đồng      |        |
| 11 | Nguyễn Thị Thanh Tuyền | Bí thư Chi đoàn              | Ủy viên hội đồng      |        |

## MỤC LỤC

| NỘI DUNG                                                                                    | Trang |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| Mục lục                                                                                     | 01    |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá                                                           | 03    |
| <b>Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU</b>                                                                | 05    |
| <b>Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>                                                                 | 11    |
| <b>A. ĐẶT VẤN ĐỀ</b>                                                                        | 11    |
| <b>B. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>                                                                       | 14    |
| <b>Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường</b>                                          | 14    |
| Mở đầu                                                                                      | 14    |
| Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường                    | 14    |
| Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác                                          | 17    |
| Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường | 18    |
| Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng                   | 21    |
| Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học                                                   | 24    |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản                                      | 26    |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên                                        | 28    |
| Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục                                                | 30    |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở                                               | 32    |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học                                  | 34    |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>                                                             | 36    |
| <b>Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh</b>                       | 38    |
| Mở đầu                                                                                      | 38    |
| Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng                                          | 38    |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên                                                             | 40    |
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên                                                             | 42    |
| Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh                                                              | 44    |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>                                                             | 46    |

|                                                                                                              |       |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| <b>Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học</b>                                                      | 47    |
| Mở đầu                                                                                                       | 47    |
| Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập                                                                  | 47    |
| Tiêu chí 3.2: Phòng học                                                                                      | 49    |
| Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị                                 | 51    |
| Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước                                                           | 53    |
| Tiêu chí 3.5: Thiết bị                                                                                       | 54    |
| Tiêu chí 3.6: Thư viện                                                                                       | 56    |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>                                                                              | 58    |
| <b>Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội</b>                                             | 59    |
| Mở đầu                                                                                                       | 59    |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh                                                                   | 59    |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường | 62    |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>                                                                              | 65    |
| <b>Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục</b>                                                  | 66    |
| Mở đầu                                                                                                       | 66    |
| Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường                                                               | 66    |
| Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học                                         | 68    |
| Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác                                                          | 71    |
| Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học                                                             | 73    |
| Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục                                                                               | 75    |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>                                                                              | 77    |
| <b>Phần III. KẾT LUẬN CHUNG</b>                                                                              | 78    |
| <b>Phần IV. PHỤ LỤC</b>                                                                                      | 01-25 |

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

### 1. Kết quả đánh giá

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Kết quả   |       |       |       |
|-------------------------|-----------|-------|-------|-------|
|                         | Không đạt | Đạt   |       |       |
|                         |           | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 1.1            |           | x     |       |       |
| Tiêu chí 1.2            |           | x     |       |       |
| Tiêu chí 1.3            |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.4            |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.5            |           | x     |       |       |
| Tiêu chí 1.6            |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.7            |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.8            |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.9            |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.10           |           | x     | x     |       |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 2.1            |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 2.2            |           | x     |       |       |
| Tiêu chí 2.3            |           | x     |       |       |
| Tiêu chí 2.4            |           | x     | x     |       |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 3.1            |           | x     |       |       |
| Tiêu chí 3.2            |           | x     |       |       |
| Tiêu chí 3.3            |           | x     |       |       |
| Tiêu chí 3.4            |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 3.5            |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 3.6            |           | x     | x     |       |

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Kết quả   |       |       |       |
|-------------------------|-----------|-------|-------|-------|
|                         | Không đạt | Đạt   |       |       |
|                         |           | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 4.1            |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 4.2            |           | x     | x     |       |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 5.1            |           | x     |       |       |
| Tiêu chí 5.2            |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 5.3            |           | x     |       |       |
| Tiêu chí 5.4            |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 5.5            |           | x     | x     | x     |

**Kết quả:** đạt Mức 1.

**2. Kết luận:** Trường đạt Mức 1

**Phần I**  
**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường: Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch.

Tên trước đây: không có.

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi.

|                                      |                       |                              |                                                                                     |
|--------------------------------------|-----------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | Thành phố Hồ Chí Minh | Họ và tên hiệu trưởng        | Vương Thoại Trân                                                                    |
| Huyện/quận/thị xã/ thành phố         | Củ Chi                | Điện thoại                   | 02836064600                                                                         |
| Xã/phường/thị trấn                   | Tân An Hội            | Fax                          | Không                                                                               |
| Đạt chuẩn quốc gia                   | Không                 | Website                      | <a href="https://thnguyenvanlich.hcm.edu.vn">https://thnguyenvanlich.hcm.edu.vn</a> |
| Quyết định đổi tên trường            | 07/02/1996            | Số điểm trường               | 02 điểm trường chính                                                                |
| Công lập                             | Có                    | Loại hình khác               | Không                                                                               |
| Tư thực                              | Không                 | Thuộc vùng khó khăn          | Không                                                                               |
| Trường chuyên biệt                   | Không                 | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | Không                                                                               |
| Trường liên kết với nước ngoài       | Không                 |                              |                                                                                     |

### 1. Số lớp học

| Số lớp học  | Năm học<br>2018-2019 | Năm học<br>2019-<br>2020 | Năm học<br>2020-<br>2021 | Năm học<br>2021-<br>2022 | Năm học<br>2022-<br>2023 |
|-------------|----------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Khối lớp 1  | 04                   | 04                       | 04                       | 04                       | 04                       |
| Khối lớp 2  | 04                   | 04                       | 04                       | 04                       | 04                       |
| Khối lớp 3  | 04                   | 04                       | 04                       | 04                       | 04                       |
| Khối lớp 4  | 04                   | 04                       | 04                       | 04                       | 04                       |
| Khối lớp 5  | 03                   | 04                       | 04                       | 04                       | 04                       |
| <b>Cộng</b> | <b>19</b>            | <b>20</b>                | <b>20</b>                | <b>20</b>                | <b>20</b>                |

### 2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

| TT       | Số liệu                                                    | Năm học<br>2018-<br>2019 | Năm học<br>2019-<br>2020 | Năm học<br>2020-<br>2021 | Năm học<br>2021-<br>2022 | Năm học<br>2022-<br>2023 | Ghi chú |
|----------|------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|---------|
| <b>I</b> | <b>Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập</b> | 19                       | 20                       | 21                       | 22                       | 22                       |         |
| 1        | Phòng học                                                  | 18                       | 19                       | 20                       | 20                       | 20                       |         |
| a        | Phòng kiên cố                                              | 18                       | 19                       | 20                       | 20                       | 20                       |         |
| b        | Phòng bán kiên cố                                          | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       |         |
| c        | Phòng tạm                                                  | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       |         |
| 2        | Phòng học bộ môn                                           | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       |         |



|            |                                                  |           |           |           |           |           |  |
|------------|--------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|--|
| a          | Phòng kiên cố                                    | 00        | 00        | 00        | 00        | 00        |  |
| b          | Phòng bán kiên cố                                | 00        | 00        | 00        | 00        | 00        |  |
| c          | Phòng tạm                                        | 00        | 00        | 00        | 00        | 00        |  |
| 3          | Khối phục vụ học tập                             | 01        | 01        | 01        | 02        | 02        |  |
| a          | Phòng kiên cố                                    | 01        | 01        | 01        | 02        | 02        |  |
| b          | Phòng bán kiên cố                                | 00        | 00        | 00        | 00        | 00        |  |
| c          | Phòng tạm                                        | 00        | 00        | 00        | 00        | 00        |  |
| <b>II</b>  | <b>Khối phòng hành chính - quản trị</b>          | 02        | 02        | 02        | 02        | 02        |  |
| 1          | Phòng kiên cố                                    | 00        | 00        | 00        | 00        | 00        |  |
| 2          | Phòng bán kiên cố                                | 00        | 00        | 00        | 00        | 00        |  |
| 3          | Phòng tạm                                        | 00        | 00        | 00        | 00        | 00        |  |
| <b>III</b> | <b>Thư viện</b>                                  | 01        | 01        | 01        | 01        | 01        |  |
| <b>IV</b>  | <b>Các công trình, khối phòng chức năng khác</b> | 00        | 00        | 00        | 00        | 00        |  |
|            | <b>Cộng</b>                                      | <b>22</b> | <b>23</b> | <b>24</b> | <b>25</b> | <b>25</b> |  |

### 3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 12 năm 2023

|  | <b>Tổng</b> | <b>Nữ</b> | <b>Dân</b> | <b>Trình độ đào tạo</b> | <b>Ghi</b> |
|--|-------------|-----------|------------|-------------------------|------------|
|--|-------------|-----------|------------|-------------------------|------------|

|                 | <b>số</b> |           | <b>tộc</b> | Chưa đạt<br>chuẩn | Đạt<br>chuẩn | Trên<br>chuẩn | <b>chú</b> |
|-----------------|-----------|-----------|------------|-------------------|--------------|---------------|------------|
| Hiệu trưởng     | 01        | 01        | 00         | 00                | 01           | 00            |            |
| Phó hiệu trưởng | 01        | 00        | 00         | 00                | 01           | 00            |            |
| Giáo viên       | 27        | 23        | 0          | 00                | 27           | 00            |            |
| Nhân viên       | 07        | 05        | 00         | 00                | 07           | 00            |            |
| <b>Cộng</b>     | <b>36</b> | <b>29</b> | <b>00</b>  | <b>00</b>         | <b>36</b>    | <b>00</b>     |            |

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

| <b>TT</b> | <b>Số liệu</b>                                                                     | <b>Năm<br/>học<br/>2018-<br/>2019</b> | <b>Năm<br/>học<br/>2019-<br/>2020</b> | <b>Năm<br/>học<br/>2020-<br/>2021</b> | <b>Năm<br/>học<br/>2021-<br/>2022</b> | <b>Năm<br/>học<br/>2022-<br/>2023</b> |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|
| 1         | Tổng số giáo viên                                                                  | 23                                    | 27                                    | 27                                    | 25                                    | 27                                    |
| 2         | Tỷ lệ giáo viên/<br>lớp                                                            | 1,27                                  | 1,42                                  | 1,35                                  | 1,25                                  | 1,35                                  |
| 3         | Tỷ lệ giáo<br>viên/học sinh                                                        | 0,03                                  | 0,03                                  | 0,03                                  | 0,03                                  | 0,03                                  |
| 4         | Tổng số giáo viên<br>dạy giỏi cấp<br>huyện hoặc tương<br>đương trở lên<br>(nếu có) | 02                                    | 03                                    | 04                                    | 03                                    | 04                                    |
| 5         | Tổng số giáo viên<br>dạy giỏi tỉnh trở<br>lên (nếu có)                             | 00                                    | 00                                    | 00                                    | 01                                    | 00                                    |
| 6         | Các số liệu khác<br>(nếu có)                                                       | 00                                    | 00                                    | 00                                    | 00                                    | 00                                    |

#### 4. Học sinh

a) Số liệu chung

| <b>TT</b> | <b>Số liệu</b> | <b>Năm<br/>học<br/>2018-<br/>2019</b> | <b>Năm<br/>học<br/>2019-<br/>2020</b> | <b>Năm<br/>học<br/>2020-<br/>2021</b> | <b>Năm<br/>học<br/>2021-<br/>2022</b> | <b>Năm<br/>học<br/>2022-<br/>2023</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|----------------|---------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|----------------|
|-----------|----------------|---------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|----------------|

|   |                                         |              |              |              |              |              |  |
|---|-----------------------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--|
| 1 | Tổng số học sinh                        | 740          | 776          | 765          | 794          | 779          |  |
|   | - Nữ                                    | 348          | 394          | 393          | 388          | 372          |  |
|   | - Dân tộc thiểu số                      | 06           | 07           | 06           | 09           | 09           |  |
|   | - Khối 1                                | 175          | 174          | 157          | 154          | 157          |  |
|   | - Khối 2                                | 157          | 177          | 173          | 148          | 152          |  |
|   | - Khối 3                                | 104          | 159          | 169          | 171          | 142          |  |
|   | - Khối 4                                | 159          | 110          | 158          | 163          | 163          |  |
|   | - Khối 5                                | 145          | 156          | 108          | 158          | 165          |  |
| 2 | Tổng số tuyển mới                       | 175          | 174          | 157          | 154          | 157          |  |
| 3 | Học 2 buổi/ngày                         | 740          | 776          | 765          | 794          | 779          |  |
| 4 | Bán trú                                 | 00           | 110          | 135          | 110          | 105          |  |
| 5 | Nội trú                                 | 00           | 00           | 00           | 00           | 00           |  |
| 6 | Bình quân số học sinh/ lớp học          | 41,11        | 40,84        | 38,25        | 39,70        | 38,95        |  |
| 7 | Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi | 706<br>95,53 | 762<br>96,09 | 751<br>97,15 | 792<br>99,12 | 760<br>97,43 |  |
|   | - Nữ                                    | 334          | 382          | 383          | 388          | 372          |  |
|   | - Dân tộc thiểu số                      | 06           | 06           | 06           | 09           | 09           |  |
| 8 | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh    | 00           | 00           | 00           | 00           | 00           |  |
| 9 | Tổng số                                 | 00           | 00           | 00           | 00           | 00           |  |

|    |                                                         |    |    |    |    |    |  |
|----|---------------------------------------------------------|----|----|----|----|----|--|
|    | học sinh<br>giỏi quốc<br>gia                            |    |    |    |    |    |  |
| 10 | Tổng số<br>học sinh<br>thuộc đối<br>tượng<br>chính sách | 19 | 13 | 10 | 08 | 07 |  |
|    | - <i>Nữ</i>                                             | 08 | 05 | 05 | 03 | 01 |  |
|    | - <i>Dân tộc</i>                                        | 01 | 01 | 01 | 01 | 01 |  |
| 11 | Tổng số<br>học sinh<br>có hoàn<br>cảnh đặc<br>biệt      | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| 12 | Khuyết tật                                              | 01 | 01 | 01 | 03 | 03 |  |
| 13 | Lưu ban                                                 | 00 | 00 | 00 | 01 | 00 |  |

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục

| Số liệu                                                                       | Năm<br>học<br>2018-<br>2019 | Năm<br>học<br>2019-<br>2020 | Năm<br>học<br>2020-<br>2021 | Năm<br>học<br>2021-<br>2022 | Năm<br>học<br>2022-<br>2023 | Ghi<br>chú |
|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|------------|
| Trong địa bàn<br>tuyển sinh của<br>trường tỷ lệ<br>trẻ em 6 tuổi<br>vào lớp 1 | 100%                        | 100%                        | 100%                        | 100%                        | 100%                        |            |
| Tỷ lệ học sinh<br>hoàn thành<br>lớp học                                       | 100%                        | 100%                        | 100%                        | 99, 87%                     | 100%                        |            |
| Tỷ lệ học sinh<br>11 tuổi hoàn<br>thành chương<br>trình tiểu học              | 98,24%                      | 98,73%                      | 99,22%                      | 99,37%                      | 100%                        |            |

|                                                           |      |      |      |      |      |  |
|-----------------------------------------------------------|------|------|------|------|------|--|
| Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |  |
|-----------------------------------------------------------|------|------|------|------|------|--|

## Phần II

### TỰ ĐÁNH GIÁ

#### A. ĐẶT VẤN ĐỀ

##### 1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch được xây dựng từ trước năm 1975, tọa lạc tại đường Lê Minh Nhựt, ấp Mũi Lớn 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi. Trường được thành lập theo Quyết định số 16/QĐ-UB ngày 07 tháng 02 năm 1996 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về việc đổi tên các trường học.

Nhà trường luôn được sự quan tâm của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi, cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đoàn kết, phấn đấu vì nhiệm vụ chung. Chi bộ Đảng nhà trường luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, có năng lực tập hợp quần chúng. Các đoàn thể hoạt động tốt, hỗ trợ đắc lực cho mọi hoạt động của nhà trường. Ban đại diện cha mẹ học sinh nhiệt tình phối hợp với nhà trường trong việc giáo dục và chăm lo cho học sinh.

Những năm gần đây, trường luôn huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1. Tổ chức tốt ngày hội “Ngôi trường tiểu học của em”, “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”, “Lễ tri ân học sinh lớp 5 và hoàn thành chương trình tiểu học”. Số học sinh lớp 5 được công nhận Hoàn thành chương trình tiểu học luôn đạt 100%.

Từ khi thành lập đến nay, trường đã luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Các thành viên của nhà trường đã góp phần rất lớn trong sự nghiệp giáo dục của xã nhà, góp phần nâng cao trình độ và tạo được mặt bằng dân trí cho toàn dân của xã Tân An Hội. Năm học 2023-2024, trường có 2 cơ sở với tổng diện tích 2627,0 m<sup>2</sup> gồm 01 trệt và 02 lầu; cơ sở vật chất, trang thiết bị tương đối đầy đủ, phục vụ tốt cho việc dạy và học, tuy nhiên do thiếu phòng chức năng, phòng hành

chánh, nhiều năm nay nhà trường tận dụng phòng học dư để làm phòng chức năng, phòng hành chính.

Nhà trường luôn phát huy vai trò tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục. Các ban ngành đoàn thể địa phương quan tâm hỗ trợ nhà trường về mọi mặt, Ban đại diện cha mẹ học sinh nhiệt tình trong việc phối hợp với nhà trường để giáo dục học sinh.

Trong 5 năm qua, tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường đã có nhiều nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ chiến lược, mang lại kết quả đáng khích lệ trong các hoạt động giáo dục, phát triển đội ngũ, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học.

### **Thành tích của nhà trường:**

05 năm liên tiếp, nhà trường luôn đạt danh hiệu “Tập thể Lao động Tiên tiến”, trong đó năm học 2019-2020 và năm học 2021- 2022 đạt danh hiệu “Tập thể Lao động Xuất sắc.”.

## **2. Mục đích tự đánh giá**

Mục đích tự đánh giá là xem xét, kiểm tra, đánh giá các tiêu chuẩn và tiêu chí theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học. Trên cơ sở đó, giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn. Từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến, góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

## **3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá**

Quá trình tự đánh giá của Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch huyện Củ Chi được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn và đảm bảo tính dân chủ, công khai với những bước như sau:

### **3.1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá**

Nhà trường thành lập hội đồng tự đánh giá theo Quyết định số 236/QĐ-THNVL ngày 04 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch gồm 11 thành viên.

### ***3.2. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá***

Từ ngày 04 tháng 9 năm 2023 đến ngày 14 tháng 9 năm 2023, hội đồng tự đánh giá xây dựng kế hoạch tự đánh giá của nhà trường bao gồm các nội dung: Mục đích và phạm vi tự đánh giá; phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; dự kiến các nguồn lực và thời điểm cần huy động; công cụ đánh giá; dự kiến các thông tin và minh chứng cần thu thập cho từng tiêu chí; thời gian biểu cho từng hoạt động. Hội đồng tự đánh giá làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và thảo luận để đi đến thống nhất chung.

### ***3.3. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng***

Từ ngày 14 tháng 9 năm 2023 đến ngày 21 tháng 9 năm 2023, căn cứ vào các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học. Hội đồng phân công các nhóm tiến hành thu thập thông tin, minh chứng từ hồ sơ lưu trữ của trường và các cơ quan, ban ngành có liên quan đến hoạt động của trường. Các nhóm tiến hành viết phiếu đánh giá tiêu chí làm cơ sở để tổng hợp cho báo cáo tự đánh giá.

### ***3.4. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí***

Từ ngày 22 tháng 9 năm 2023 đến ngày 30 tháng 9 năm 2023, các nhóm xác định những thông tin minh chứng cần thiết cho báo cáo tự đánh giá. Cá nhân, nhóm báo cáo nội dung của từng phiếu đánh giá tiêu chí với hội đồng tự đánh giá. Hội đồng đánh giá mức độ đạt được của từng tiêu chí thông qua các minh chứng thu thập được.

### ***3.5. Viết báo cáo tự đánh giá***

Từ ngày 09 tháng 10 năm 2023 đến ngày 18 tháng 10 năm 2023, hội đồng tiến hành soạn thảo đề cương chi tiết của báo cáo tự đánh giá.

Từ ngày 20 tháng 10 năm 2023 đến ngày 27 tháng 10 năm 2023, hội đồng viết dự thảo báo cáo tự đánh giá.

Từ ngày 21 tháng 11 năm 2023 đến 27 tháng 11 năm 2023, hội đồng hoàn thành báo cáo tự đánh giá, công bố trong nội bộ trường và thu thập các ý kiến đóng góp, hoàn thiện báo cáo.

### **3.6. Công bố báo cáo tự đánh giá**

Từ ngày 30 tháng 11 năm 2023, hội đồng công bố công khai, rộng rãi báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá, căn cứ các điều kiện theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, nhà trường tiến hành báo cáo với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi.

## **B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

### **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

#### **Mở đầu:**

Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch có bộ máy tổ chức đúng quy định, hoạt động hiệu quả, có Hội đồng trường và các hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng tuyển sinh; hội đồng thẩm định sáng kiến kinh nghiệm; hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi. Các hội đồng có đủ cơ cấu, số lượng, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều lệ Trường tiểu học. Các đoàn thể trong nhà trường gồm: Chi bộ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng hoạt động hiệu quả, phát huy tốt vai trò và chức năng của mỗi tổ chức.

Năm học 2023-2024, trường có 20/20 lớp học 02 buổi/ngày đạt tỷ lệ 100%. Mỗi khối lớp đều được bố trí giáo viên chủ nhiệm hợp lý. Số học sinh trung bình mỗi lớp là 37 em. Mỗi lớp đều có ban cán sự lớp được các học sinh bầu chọn luân phiên trong năm học.

Tổ chuyên môn và tổ văn phòng hoạt động có hiệu quả, đáp ứng tốt việc thực hiện các nhiệm vụ của tổ theo quy định.



An ninh trật tự, an toàn trường học được đảm bảo cho học sinh, cán bộ, giáo viên và nhân viên.

***Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường***

Mức 1:

a) *Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

b) *Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

c) *Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.*

Mức 3:

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch đã xây dựng, thực hiện chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 có sự tham gia góp ý của Hội đồng trường, cán bộ, giáo viên, nhân viên; Phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường được xây dựng và điều chỉnh dựa trên các căn cứ: Luật Giáo dục năm 2019 cùng các Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Củ Chi lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025, Nghị quyết Đảng bộ xã Tân An Hội và đặc biệt là căn cứ vào tình hình thực

tế của nhà trường với các giải pháp khả thi, phù hợp mục tiêu giáo dục; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, xã hội của địa phương [H1-1.1- 01].

b) Kế hoạch số 391/KH-THNVL ngày 11 tháng 12 năm 2020 về Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 của Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch đã được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Kế hoạch chiến lược và phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 của Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch được thông qua trong cuộc họp hội đồng sư phạm, họp hội đồng trường, niêm yết tại bản tin của trường [H1-1.1-02].

#### Mức 2:

Các mục tiêu của chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 được thực hiện thông qua kế hoạch giáo dục từng năm học, đồng thời tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm kết quả đạt được cuối mỗi năm học [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04]. Tuy nhiên, nhà trường chưa có các giải pháp hiệu quả để giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

#### Mức 3:

Hiệu trưởng Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch tổ chức rà soát, đánh giá kết quả thực hiện phương hướng, chiến lược để từ đó có cơ sở bổ sung, điều chỉnh nội dung chiến lược của trường đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, của đơn vị [H1-1.1-04]. Việc tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển đều có sự tham gia của các thành viên cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H1-1.1-02].

### **2. Điểm mạnh**

Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được rà soát, bổ sung, điều chỉnh hằng năm và thực hiện đúng tiến độ.

### **3. Điểm yếu**

Việc tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược và phát triển nhà trường chưa có các giải pháp hiệu quả để giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024, hiệu trưởng ban hành văn bản phân công cụ thể cho từng bộ phận, cá nhân chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ do mỗi bộ phận, cá nhân phụ trách bám sát mục tiêu phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025. Từ đó có những đề xuất bổ sung, điều chỉnh kịp thời nhằm góp phần hoàn thành mục tiêu chiến lược mà nhà trường đã đề ra.

**5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.**

***Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác***

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Năm học 2023-2024, Hội đồng trường nhiệm kỳ 2023-2028 được thành lập theo Quyết định số 4694/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi. Hội đồng trường của Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch nhiệm kỳ 2023-2028 gồm có 11 thành viên. Các thành viên của Hội đồng trường gồm: đại diện Ủy ban Nhân dân xã Tân An Hội, hiệu trưởng - bí thư chi bộ, chủ tịch Công đoàn, bí thư Chi đoàn, đại diện cha mẹ học sinh, đại diện tổ chuyên môn, tổ trưởng văn phòng [H1-1.2-01]; Hội đồng thi đua khen thưởng do hiệu trưởng ban hành theo từng năm học tùy theo tình hình nhân sự và nhiệm vụ phân công chuyên môn [H1-1.2-02]. Hội đồng chấm sáng kiến được thành lập để hỗ trợ các hoạt động giáo dục của nhà trường trong mỗi năm học [H1-1.2-03]. Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi do hiệu trưởng thành lập vào mỗi năm [H1-1.2-04].

b) Hội đồng trường tổ chức họp định kỳ 03 lần một năm để triển khai phương hướng hoạt động theo mục tiêu chiến lược phát triển nhà trường trong từng giai đoạn, thực hiện kế hoạch năm học, giải quyết những vấn đề liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; ngoài ra còn tổ chức các buổi họp đột xuất khi cần để giải quyết những vấn đề phát sinh; Hội đồng thi đua khen thưởng và Hội đồng tư vấn khác thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định [H1-1.2-04].

c) Cuối mỗi học kì và cuối năm học các hội đồng tổ chức họp định kì để rà soát công tác trong năm cũng như đánh giá hoạt động. Từ đó, các hội đồng đề xuất các giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại, để công tác của nhà trường hoàn thiện tốt hơn [H1-1.2-04].

#### Mức 2:

Hoạt động của Hội đồng trường được rà soát, đánh giá hằng năm nhưng chưa thể hiện rõ trong báo cáo sơ kết, tổng kết hay biên bản đánh giá cuối năm [H1-1.2-04].

### **2. Điểm mạnh**

Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định, đã phát huy được sức mạnh tập thể trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và giáo dục trong nhà trường.

### **3. Điểm yếu**

Hoạt động của Hội đồng trường được rà soát, đánh giá hằng năm nhưng chưa thể hiện rõ trong báo cáo sơ kết, tổng kết hay biên bản đánh giá cuối năm.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2023 - 2024, chủ tịch Hội đồng trường sẽ phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Hội đồng trường cũng như thành viên các hội đồng khác thực hiện rà soát, đánh giá và thể hiện rõ trong các báo cáo định kỳ chính xác, cụ thể.

### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.**

***Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường***

#### Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch có tổ chức Công đoàn hoạt động theo Quyết định số 174/QĐ- TLĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quyết định về việc ban hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam (Khóa XII) với cơ cấu Ban chấp hành công đoàn cơ sở gồm Chủ tịch và 02 ủy viên ban Chấp hành Công đoàn [H1-1.3-01]; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh với 17 đoàn viên. Ban Chấp hành Chi đoàn Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch được công nhận theo quyết định số 87-QĐ/ĐTN ngày 10 tháng 01 năm 2022; quyết định số 02-QĐ/ĐTN ngày 24 tháng 02 năm 2023; [H1-1.3-02]. Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh có 08 chi đội và 12 lớp Nhi đồng [H1-1.3-03]. Ngoài ra, nhà trường còn có các tổ chức xã hội khác như: Chi hội Khuyến học, Chi hội Chữ thập đỏ [H1-1.3-04].

b) Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác đã hoạt động đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức, giúp nhà trường thực hiện tốt mục tiêu giáo dục trong từng năm học [H1-1.3-05].

c) Cuối học kỳ I và cuối mỗi năm học, các hoạt động của các tổ chức và đoàn thể trong nhà trường đều được rà soát, đánh giá và được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học [H1-1.1-06].

#### Mức 2:

a) Chi bộ Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch đảm bảo cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; năm học 2023-2024, chi bộ có 14 đảng viên [H1-1.3-07]. Chi bộ sinh hoạt định kỳ mỗi tháng một lần và sinh hoạt chuyên đề đầy đủ, đúng quy định. Chi bộ đề ra Nghị quyết mỗi tháng bám sát tình hình thực tiễn hoạt động tại đơn vị, đồng thời nhận định, đánh giá những mặt ưu điểm để phát huy cũng như chỉ ra những tồn tại, chưa thực hiện được theo nghị quyết để từ đó có giải pháp kịp thời, khắc phục những hạn chế [H1-1.3-08]. Từ năm 2018 đến nay, chi bộ có 05 năm được xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-09].

b) Công đoàn trường làm tốt công tác kiện toàn nhân sự và phát huy hiệu quả hoạt động của ban thanh tra nhân dân; xây dựng quy chế phối hợp giữa Ban chấp hành Công đoàn và chính quyền. Công đoàn nhà trường có những hoạt động cụ thể động viên Cán bộ- Giáo viên phát huy tinh thần tự chủ trong công việc và học tập, Chi đoàn nhà trường hoạt động hiệu quả, đạt giải trong các Hội thi. Liên Đội nhà trường đã có nhiều hoạt động thiết thực, phát huy tính tích cực, sáng tạo của học sinh tạo sân chơi an toàn bổ ích, góp phần rèn kỹ năng sống cho học sinh [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06]; [H1-1.3-10].

#### Mức 3:

a) Từ năm 2018 đến năm 2022, chi bộ có 05 năm được đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-09].

b) Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Sao Nhi đồng trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch đã có nhiều đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường: hỗ trợ giáo

viên tham gia các hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi, chung tay chăm lo cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, khen thưởng cho những học sinh đạt thành tích xuất sắc trong học tập và các phong trào thi đua dạy tốt, học tốt góp phần nâng cao chất lượng dạy và học; tổ chức có hiệu quả các hoạt động trong và ngoài giờ lên lớp, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.3-10]; [H1-1.3-11]. Tuy nhiên sức lan tỏa đến cộng đồng chưa cao.

## **2. Điểm mạnh**

Chi bộ thực hiện tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo trong các hoạt động của nhà trường.

Các tổ chức chính trị, xã hội và các đoàn thể đóng góp tích cực trong việc phát động phong trào thi đua, nâng cao chất lượng giáo dục của đơn vị.

Từ năm 2018 đến đến nay, chi bộ có 05 năm được xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ

## **3. Điểm yếu**

Công đoàn, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường. Tuy nhiên sức lan tỏa các hoạt động ra cộng đồng chưa cao.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 01 năm 2024, chi ủy, Chi bộ Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động gắn với các nhiệm vụ giáo dục trọng tâm của nhà trường. Đồng thời hiệu trưởng tạo điều kiện về thời gian, vật chất,...để các tổ chức Công đoàn, Chi đoàn, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh thực hiện các hoạt động của nhà trường gắn liền các hoạt động tại địa phương nhằm tạo sự lan tỏa tích cực trong cộng đồng.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

***Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.***

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) *Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

a) *Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*

b) *Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

a) *Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*

b) *Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Năm học 2023-2024, Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch là trường hạng 2 nên cơ cấu tổ chức gồm hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng được bổ nhiệm theo Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Củ [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02]. Cơ cấu lãnh đạo nhà trường đúng theo quy định tại Điều 06, Thông tư số 1 6/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

b) Đầu mỗi năm học, căn cứ tình hình nhân sự và bảng phân công nhiệm vụ, hiệu trưởng Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch ban hành quyết định về việc thành lập các tổ chuyên môn từ tổ khối 1 đến tổ khối 5 và tổ văn phòng. Trường có 5 tổ chuyên môn và 1 tổ văn phòng. Tổ văn phòng gồm các nhân viên y tế, văn thư, kế toán, Thư viện -Thiết bị, bảo vệ. Mỗi tổ đều có tổ trưởng được hiệu trưởng bổ nhiệm vào đầu năm học theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng được quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 11 của Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ Trường tiểu học [H1-1.4-04].



c) Tổ chuyên môn thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Điều lệ Trường tiểu học: tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường; căn cứ vào kế hoạch giáo dục của nhà trường, xây dựng kế hoạch dạy học các môn học theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học của tổ theo tuần, tháng, học kỳ và năm học [H1-1.4-05]; triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động chuyên môn của nhà trường, của tổ chủ động và linh hoạt [H1-1.4-06]; đề xuất hiệu trưởng phân công giáo viên cho mỗi năm học [H1-1.2-04]; tổ chức cho giáo viên thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; đề xuất các xuất bản phẩm, nguồn học liệu tham khảo để lựa chọn sử dụng trong nhà trường theo quy định [H1-1.4-07]; tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông; tham gia đánh giá hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo Chuẩn hiệu trưởng [H1-1.4-08]; [H1-1.4-09].

Tổ văn phòng thực hiện đúng nhiệm vụ theo khoản 2 Điều 15 của Điều lệ Trường tiểu học: xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ nhằm góp phần phục vụ cho việc thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục của nhà trường, tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo kế hoạch của tổ và của nhà trường [H1-1.4-10]; giúp hiệu trưởng thực hiện công tác văn thư [H1-1.4-11]; nhiệm vụ quản lý tài chính, tài sản trong nhà trường và hạch toán tài chính, thống kê theo quy định [H1-1.4-12]; tham gia đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động; giới thiệu tổ trưởng [H1-1.4-13]; quản lý, lưu trữ hồ sơ của trường [H1-1.4-14] và thực hiện các nhiệm vụ khác khi hiệu trưởng phân công, tổ văn phòng họp định kỳ mỗi tháng 01 lần [H1-1.4-11].

#### Mức 2:

a) Mỗi năm học, căn cứ trên nhu cầu thực tế của từng tổ khối, các tổ chuyên môn đã tích cực đề xuất và xây dựng kế hoạch thực hiện chuyên đề, mỗi tổ khối thực hiện ít nhất 01 chuyên đề/năm học nhằm giúp giáo viên học tập, nâng cao tay nghề, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục trong nhà trường [H1-1.4-15]; [H1-1.4-16].

b) Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều thực hiện tốt việc đánh giá, điều chỉnh hoạt động chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu trong việc thực hiện nhiệm vụ thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, thao giảng, ..tổ chức đánh giá, nhận xét rút kinh nghiệm công tác thực hiện trong tháng [H1-1.4-06]; [H1-1.4-11].

### Mức 3:

a) Mỗi năm học, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng đều tham gia các hoạt động đặc trưng của ngành như: Thi làm đồ dùng dạy học, Hội thi kể chuyện theo sách, Ngày hội đọc sách, Hội thi kể chuyện tiếng Anh,... Hội thi hùng biện tiếng Anh, góp phần mang lại hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; một số hoạt động tổ văn phòng nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường nhưng chưa ghi cụ thể trong biên bản cuộc họp tổ định kỳ. [H1-1.4-17]; [H1-1.4-11].

b) Các tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề phù hợp với tình hình dạy học thực tế từng khối lớp, hỗ trợ tích cực cho việc đổi mới phương pháp giảng dạy, tạo điều kiện cho giáo viên trao đổi học tập kinh nghiệm lẫn nhau về việc vận dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm thu hút học sinh tham gia vào các hoạt động dạy học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường; giáo viên đạt nhiều thành tích trong các hội thi cấp huyện [ H1-1.4-18].

## **2. Điểm mạnh**

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng hoạt động hiệu quả, phát huy tốt vai trò của tổ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

## **3. Điểm yếu**

Các hoạt động của tổ văn phòng nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường chưa được ghi nhận cụ thể trong biên bản cuộc họp tổ định kỳ.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024, Hiệu trưởng thường xuyên tham dự họp cùng tổ văn phòng, hướng dẫn kỹ năng lập và viết biên bản họp tổ cho nhân viên để việc ghi nhận biên bản họp tổ văn phòng định kỳ thể hiện cụ thể, đầy đủ nội dung cuộc họp.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học***

Mức 1:

- a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

- a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;
- b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;
- c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

- a) Nhà trường có đủ các khối lớp từ 1 đến 5 theo quy định của Điều lệ trường tiểu học [H1-1.5-01].
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp học có cùng trình độ, không có lớp ghép. Mỗi lớp học đều có ban cán sự lớp gồm 01 lớp trưởng và các lớp phó; lớp được chia thành các tổ học sinh, mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó; các lớp 1 do giáo viên chỉ định lớp trưởng, lớp phó và phân chia tổ; các lớp từ lớp 2 đến lớp 5 do tập thể học sinh bầu chọn lớp trưởng, lớp phó và các tổ trưởng. Việc bầu chọn ban cán sự lớp được thực hiện thay đổi ít nhất 2 lần trong năm học [H1-1.5-02].
- c) Giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn học sinh tổ chức các hoạt động của lớp đảm bảo theo nguyên tắc tự quản, dân chủ [H1-1.5-02].

Mức 2:

- a) Năm học 2023-2024, nhà trường có 20 lớp học, đảm bảo đúng quy định. [H1-1.5-01].
- b) Số học sinh bình quân trong lớp 37 học sinh, vượt so với quy định Điều lệ trường tiểu học. [H1-1.5-01].

c) Giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn tổ chức lớp học linh hoạt, phù hợp với các hình thức hoạt động dạy học và giáo dục; tổ chức cho học sinh làm việc nhóm, cá nhân; đổi mới các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học đa dạng, phong phú, thu hút được các em tham gia các hoạt động học tập và giáo dục [H1-1.5-03].

## **2. Điểm mạnh**

Học sinh được tổ chức theo lớp học có cùng trình độ, không có lớp ghép

Lớp học được tổ chức linh hoạt theo phương pháp giáo dục tích cực phù hợp với thực tế đơn vị, đồng thời phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.

## **3. Điểm yếu**

Số học sinh bình quân: 37 học sinh /lớp vượt so với quy định Điều lệ trường tiểu học.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2023-2024, hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi xây mới thêm phòng học.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.**

### ***Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản***

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện đầy đủ hồ sơ phục vụ các hoạt động dạy học và giáo dục theo đúng quy định tại Điều 21 Điều lệ trường tiểu học Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: sổ đăng bộ [H1-1.6-01]; sổ theo dõi kết quả kiểm tra, đánh giá học sinh (bảng tổng hợp kết quả giáo dục học sinh) [H1-1.6-02]; học bạ học sinh [H1-1.6-03]; phần mềm quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.6-04]; sổ khen thưởng [H1-1.6-05]; sổ quản lý tài sản, tài chính [H1-1.6-06]; sổ phổ cập giáo dục tiểu học [H1-1.6-07]; sổ biên bản họp hội đồng sư phạm [H1-1.1-02]. Nhà trường thực hiện lưu trữ hồ sơ, văn bản đầy đủ, khoa học; thường xuyên cập nhật hồ sơ quy định về các chế độ chính sách, chuyên môn nghiệp vụ theo đúng Luật Luật số 01/2011/QH 13 ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Quốc hội ban hành Luật Lưu trữ [H1-1.6-08].

b) Hằng năm, kế toán lập dự toán, thực hiện thu chi; quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản [H1-1.6-09]; Hồ sơ thu chi tài chính được niêm yết ở bảng tin và công khai trong Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động. Đầu năm học, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ, tự kiểm tra tài chính, tài sản [H1-1.6-10]; [H1-1.6-11]; Quy chế chi tiêu nội bộ được thông qua và lấy ý kiến biểu quyết trong Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động. Quy chế chi tiêu nội bộ điều chỉnh, bổ sung kịp thời, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.

c) Nhà trường thực hiện đúng các quy định pháp luật về quản lý tài sản, tài chính hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.6-10].

**Mức 2:**

a) Trường ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường qua phần mềm kế toán IMAS, EPMIC, cổng thông tin điện tử và phần mềm quản lý tài sản quốc gia. Các phần mềm quản lý hành chính, tài chính, tài sản được khai thác và sử dụng có hiệu quả [H1-1.6-04].

b) Trong 5 năm liên tiếp từ năm 2018 đến năm 2022, trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1-1.6-12]

**Mức 3:**

Trường chưa xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**2. Điểm mạnh**

Quy chế chi tiêu nội bộ được công khai lấy ý kiến của tập thể, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật kịp thời phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị và các quy định hiện hành.

**3. Điểm yếu**

Trường chưa xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023 - 2024, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường trong những năm tiếp theo.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.***Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên******Mức 1:***

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường luôn chú trọng đến việc thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong đội ngũ; xây dựng kế hoạch, tạo điều kiện và khuyến khích, động viên đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học. Lực lượng cán bộ quản lý trong quy hoạch đều được nhà trường tạo điều kiện tham gia học tập các lớp trung cấp chính trị và bồi dưỡng quản lý giáo dục [H1-1.7-01]. Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên và cá nhân từng giáo viên, nhân viên cũng tự xác định các nội dung tự bồi dưỡng để xây dựng kế hoạch phù hợp [H1-1.7-02]; [H1-1.7-03].

b) Trong từng năm học, căn cứ vào năng lực, trình độ chuyên môn của giáo viên, nhân viên và đề xuất, tham mưu của các tổ trưởng chuyên môn và phó hiệu trưởng, hiệu trưởng thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể, phù hợp sở trường công tác cho từng thành viên trong nhà trường; việc phân công được công khai, minh bạch trong buổi họp hội đồng sư phạm nhà trường đầu năm, nhận được sự đồng tình cao của đội ngũ và phát huy được hiệu quả các hoạt động dạy học, giáo dục của nhà trường [H1-1.7-04]; [H1-1.7-05].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên luôn được đảm bảo các quyền theo quy định của Luật Lao động; Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức; Điều lệ Trường tiểu học; cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tạo điều kiện học tập nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, được hưởng lương, phụ cấp ưu đãi theo nghề, phụ cấp thâm niên và các phụ cấp khác theo đúng quy định [H1-1.7-06]; [H1-1.7-07].

Mức 2:

Cán bộ quản lý nhà trường luôn quan tâm, tạo điều kiện để bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, nhân viên thông qua các chuyên đề, các lớp học do Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi tổ chức, ..Nhà trường thực hiện khen thưởng công khai, minh bạch đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt thành tích nhằm động viên, khuyến khích đội ngũ, hoàn thành tốt mục tiêu xây dựng phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục của đơn vị [H1-1.7-01]. Nhà trường chưa có nhiều giải pháp hiệu quả phát huy hết năng lực của đội ngũ giáo viên dạy môn tiếng Anh.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt việc quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên, phân công hợp lý, tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, đảm bảo các quyền theo đúng quy định.

## **3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có nhiều giải pháp hiệu quả phát huy hết năng lực của đội ngũ giáo viên dạy môn tiếng Anh.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2022-2023, hiệu trưởng tiếp tục tăng cường công tác thi đua, khen thưởng để động viên, khuyến khích cán bộ, giáo viên, nhân viên làm việc và tích cực học tập nâng cao tay nghề; hiệu trưởng phân công phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn tham mưu, xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động cụ thể đối với giáo viên dạy môn tiếng Anh nhằm phát huy năng lực, khả năng sáng tạo của giáo viên trong công tác giảng dạy cũng như rèn các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cho học sinh được tốt hơn.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

### ***Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục***

#### ***Mức 1:***

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*



Mức 2:

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Đầu năm học, trường lập kế hoạch năm học căn cứ theo mục tiêu giáo dục tiểu học, kế hoạch năm học của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi và căn cứ vào tình hình thực tế tại đơn vị [H1-1.8-01].

b) Các hoạt động giáo dục chính khóa, ngoài giờ lên lớp được nhà trường quan tâm và được triển khai toàn diện ở các mặt: thể dục thể thao, văn nghệ, các cuộc thi tìm hiểu lịch sử truyền thống, chăm sóc di tích lịch sử địa phương, lao động vệ sinh môi trường, các hoạt động giáo dục chính khóa, ngoài giờ lên lớp đã được tổ chức phù hợp với đặc điểm tâm lý học sinh tiểu học góp phần rèn luyện phẩm chất đạo đức, phát triển năng lực của mỗi cá nhân học sinh đúng tiến độ, nội dung kế hoạch. Tuy nhiên, nội dung tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp có lúc chưa phong phú, chưa thu hút tất cả học sinh toàn trường tham gia [H1-1.4-05].

c) Cuối học kỳ I và cuối năm, nhà trường tổ chức Hội nghị sơ kết học kỳ I, tổng kết năm học với sự tham dự của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường và đại diện cha mẹ học sinh, đại diện chính quyền địa phương, đại diện Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi để đánh giá, rà soát những nội dung đã thực hiện được và điều chỉnh kịp thời những hạn chế sao cho phù hợp với chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp quản lý.” [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04].

Mức 2:

Căn cứ vào kế hoạch giáo dục, kế hoạch chuyên môn của nhà trường, cán bộ quản lý xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá các hoạt động giáo dục lồng ghép trong kế hoạch hoạt động chuyên môn của tháng; việc kiểm tra, đánh giá được tiến hành thường xuyên trong suốt năm học, theo từng thời điểm: tuần, tháng, học kỳ thông qua việc dự giờ thăm lớp, kiểm tra tập vở học sinh,...; sau khi kiểm tra, cán bộ quản lý và các tổ chuyên môn tổ chức nhận xét, phân tích nguyên nhân, biện

pháp khắc phục, điều chỉnh kịp thời nên chất lượng hoạt động giáo dục của nhà trường ngày được nâng cao [H1-1.8-02].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung của kế hoạch.

## **3. Điểm yếu**

Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời nhưng chưa thể hiện đầy đủ trên các văn bản.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2023-2024, Ban kiểm tra nội bộ tiếp tục thực hiện tốt công tác kiểm tra theo kế hoạch của nhà trường.

Hiệu trưởng phân công nhiệm vụ cụ thể cho phó hiệu trưởng theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo các bộ phận khi thực hiện điều chỉnh các nội dung kế hoạch phải được thể hiện trong các biên bản họp và trong kế hoạch giáo dục.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

### ***Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở***

#### ***Mức 1:***

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

#### ***Mức 2:***

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

## **1. Mô tả hiện trạng**

#### ***Mức 1:***

a) Nhà trường có xây dựng quy chế dân chủ tại đơn vị, tất cả các kế hoạch hoạt động đều được bàn bạc, thảo luận trước khi thực hiện, cá nhân, tổ chức trong

nhà trường thực hiện đúng các quy định của Quy chế dân chủ, phát huy tốt vai trò kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra nhân dân trong các hoạt động của nhà trường [H1-1.9-01].

b) Hiệu trưởng phối hợp với Ban chấp hành công đoàn nhà trường tổ chức đối thoại; tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức đúng quy định của Nhà nước, bên cạnh đó hiệu trưởng thường xuyên triển khai Luật số 02/2011/QH 13 ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Quốc hội ban hành Luật Khiếu nại, Luật số 25/2018/QH 14 ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội ban hành Luật Tố cáo cho cán bộ, giáo viên, nhân viên biết và thực hiện nên nhà trường không có khiếu nại tố cáo [H1-1.9-02].

c) Dựa vào quy chế và căn cứ vào kết quả thực hiện dân chủ tại đơn vị. Hằng năm, nhà trường đều thực hiện công tác tự kiểm tra việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở và báo cáo công khai việc thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường trước tập thể Hội đồng sư phạm và được gửi đến các cấp quản lý. [H1-1.9-03].

## Mức 2:

Những giải pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở được nhà trường thực hiện công khai, minh bạch, hiệu quả. Hội đồng trường giao bộ phận Công đoàn chỉ đạo Ban thanh tra nhân dân có biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch và có báo cáo trong Hội nghị Cán bộ, công chức, viên chức [H1-1.9-03]. Tuy nhiên hiện tại vẫn còn vài giáo viên ít tham gia đóng góp ý kiến về quy chế dân chủ cơ sở.

## 2. Điểm mạnh

Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch tổ chức thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường gắn liền với việc bảo đảm sự lãnh đạo của chi bộ Đảng ở nhà trường; chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ; phát huy vai trò của Hiệu trưởng và của các tổ chức đoàn thể quần chúng trong nhà trường.

## 3. Điểm yếu

Vẫn còn vài giáo viên ít tham gia đóng góp ý kiến về quy chế dân chủ cơ sở.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024, cán bộ quản lý khuyến khích đội ngũ tham gia ý kiến vào tất cả các lĩnh vực trong quá trình quản lý, sử dụng các nguồn lực của nhà trường; sử dụng nhiều hình thức góp ý phong phú, cởi mở để đội ngũ tham gia tích cực vào việc nêu ý kiến xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục tại đơn vị. Chỉ đạo tổ trưởng chuyên môn, tổ trưởng công đoàn linh hoạt, gợi ý việc đóng góp ý kiến cho đội ngũ giáo viên, nhân viên trong tổ.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

### ***Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học***

#### ***Mức 1:***

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

#### ***Mức 2:***

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

## **1. Mô tả hiện trạng**

#### ***Mức 1:***

a) Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án theo quy định: phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-03]; an toàn phòng, chống cháy, nổ [H1-1.10-04]; phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-05]; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-06]. Không có dịch bệnh, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm xảy ra trong những năm qua [H1-1.1-04].

b) Nhà trường công khai số điện thoại của cán bộ quản lý tại bảng thông báo của nhà trường, công khai lịch tiếp công dân, có hộp thư góp ý để kịp thời tiếp nhận, xử lý các ý kiến của người dân [H1-1.10-07]. Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên, tổng phụ trách Đội, nhân viên thực hiện theo kế hoạch giáo dục của nhà trường về đảm bảo an toàn trường học: cổng rào an toàn, có hệ thống thiết bị ghi hình, giám sát an ninh (camera), bảo vệ trực 24/24 giờ, hệ thống điện, nước, phòng cháy chữa cháy luôn được kiểm tra và vận hành tốt; phối hợp chặt chẽ với công an địa phương thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường [H1-1.10-08].

c) Trường đã xây dựng và triển khai có hiệu quả quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học [H1-1.10-09]. Trong các hoạt động giáo dục ngoại khóa cũng như thông qua việc lồng ghép khi giảng dạy các môn học, giáo viên luôn chú ý tuyên truyền, giáo dục giới tính cho học sinh, phòng chống bạo lực học đường. Trong những năm học qua, không có hiện tượng kỳ thị, phân biệt về giới tính, không có tình trạng bạo lực học đường xảy ra trong nhà trường [H1-1.1-04].

## Mức 2:

a) Nhà trường đã chú trọng xây dựng kế hoạch phổ biến, hướng dẫn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-03].

b) Cán bộ quản lý luôn tăng cường công tác kiểm tra, nắm bắt tình hình trong và ngoài trường; thường xuyên trao đổi, tiếp nhận các thông tin từ giáo viên, nhân viên, học sinh và các lực lượng giáo dục bên ngoài trường về những vấn đề

có liên quan để từ đó có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả tình trạng bạo lực học đường, mất an ninh trật tự trong trường học. Nhà trường đã tổ chức thực hiện nhiều biện pháp ổn định trật tự trước cổng trường như: tổ chức lịch thời gian giờ tan học cho các khối lớp, phối hợp với lực lượng bảo vệ áp giữ trật tự vào giờ cao điểm trước cổng trường, không cho học sinh ra ngoài cổng trường giờ ra chơi, nhắc nhở học sinh không mua quà, bánh trước cổng trường, đưa vào nội dung thi đua hằng ngày, hằng tuần [H1-1.10-02]. Tuy nhiên, tình trạng buôn bán trước cổng trường vào giờ tan học vẫn còn nên rất cần sự hỗ trợ, can thiệp của chính quyền địa phương.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong trường.

## **3. Điểm yếu**

Tình trạng buôn bán trước cổng trường vào đầu giờ học và giờ ra về vẫn còn nên ùn tắc giao thông

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng đề xuất với Ủy ban nhân dân xã Tân An Hội, Trưởng ban nhân dân ấp Mũi Lớn 2 hỗ trợ cho nhà trường đội bảo vệ trực trước cổng trường vào đầu và cuối giờ học nhằm ổn định tình hình giao thông.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 1:**

#### **Điểm mạnh nổi bật:**

Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được rà soát, bổ sung, điều chỉnh hằng năm và thực hiện đúng tiến độ.

Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định, đã phát huy được sức mạnh tập thể trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và giáo dục trong nhà trường.

Chi bộ thực hiện tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo trong các hoạt động của nhà trường. Từ năm 2018 đến nay, chi bộ có 05 năm được xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng hoạt động hiệu quả, phát huy tốt vai trò của tổ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Lớp học được tổ chức linh hoạt theo phương pháp giáo dục tích cực phù hợp với thực tế đơn vị, đồng thời phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.

Quy chế chi tiêu nội bộ được công khai lấy ý kiến của tập thể, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật kịp thời phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị và các quy định hiện hành.

Nhà trường thực hiện tốt việc quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên, phân công hợp lý, tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, đảm bảo các quyền theo đúng quy định.

Nhà trường tổ chức thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường gắn liền với việc bảo đảm sự lãnh đạo của chi bộ Đảng ở nhà trường; chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ; phát huy vai trò của Hiệu trưởng và của các tổ chức đoàn thể quần chúng trong nhà trường.

Nhà trường thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong trường.

### **Điểm yếu cơ bản:**

Việc tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược và phát triển nhà trường chưa có các giải pháp hiệu quả để giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

Hoạt động của Hội đồng trường được rà soát, đánh giá hằng năm nhưng chưa thể hiện rõ trong báo cáo sơ kết, tổng kết hay biên bản đánh giá cuối năm.

Công đoàn, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường. Tuy nhiên sức lan tỏa các hoạt động ra cộng đồng chưa cao.

Các hoạt động của tổ văn phòng nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường chưa được ghi nhận cụ thể trong biên bản cuộc họp tổ định kỳ.

Số học sinh bình quân: 37 học sinh /lớp vượt so với quy định Điều lệ trường tiểu học.

Trường chưa xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp.

Nhà trường chưa có nhiều giải pháp hiệu quả phát huy hết năng lực của đội ngũ giáo viên dạy môn tiếng Anh.

Vẫn còn vài giáo viên ít tham gia đóng góp ý kiến cho các hoạt động chung của đơn vị, đặc biệt là ý kiến về quy chế dân chủ cơ sở.

Tình trạng buôn bán trước cổng trường vào giờ tan học vẫn còn tồn tại, gây ùn tắc giao thông đầu giờ học và giờ ra về.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 10/10.

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 00/10.

**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh**

**Mở đầu:**

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên là nhân tố quan trọng, quyết định chất lượng và hiệu quả hoạt động của nhà trường. Cán bộ quản lý có đủ sức khỏe, năng lực chuyên môn và năng lực lãnh đạo, nhiệt tình và năng động trong công tác quản lý. Giáo viên, nhân viên biên chế của nhà trường được đảm bảo các chế độ, chính sách hiện hành. Nội bộ nhà trường đoàn kết, không có cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên bị xử lý kỷ luật về chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức. Học sinh thực hiện đầy đủ 05 nhiệm vụ của học sinh tiểu học, được đảm bảo đầy đủ các quyền theo quy định.

***Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng***

Mức 1:

*a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*

*b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*

*c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*



*Mức 2:*

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

*Mức 3:*

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

## **1. Mô tả hiện trạng**

*Mức 1:*

a) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được bổ nhiệm đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định Chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông, đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục đối với cấp tiểu học [H2-2.1-01]. hiệu trưởng được bổ nhiệm cán bộ quản lý sau 13 năm công tác. phó hiệu trưởng được bổ nhiệm sau 19 năm công tác giảng dạy.

b) Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được đánh giá đạt mức Tốt theo Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông [H2-2.1-02]. Tuy nhiên, cán bộ quản lý giao tiếp với giáo viên người nước ngoài thiếu tự tin.

c) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều được tham gia bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý theo quy định. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có chứng chỉ quản lý giáo dục trường tiểu học, [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02].

*Mức 2:*

a) Trong 5 năm, hiệu trưởng được Lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi đánh giá chuẩn hiệu trưởng đạt xuất sắc, tốt theo quy định chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng [H2-2.1-02].

b) Hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn đầy đủ về lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định [H2-2.1-02]. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng

luôn được sự tín nhiệm cao của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường [H2-2.1-01].

Mức 3:

Trong 5 năm, hiệu trưởng được Lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi đánh giá chuẩn hiệu trưởng đạt xuất sắc, tốt theo quy định chuẩn hiệu trưởng. Phó hiệu trưởng được hiệu trưởng đánh giá đạt tốt [H2-2.1- 02].

## **2. Điểm mạnh**

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đảm bảo yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, lý luận chính trị theo quy định; được đánh giá chuẩn hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đạt Tốt nhiều năm liền.

## **3. Điểm yếu**

Cán bộ quản lý giao tiếp với giáo viên người nước ngoài thiếu tự tin.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm 2023 - 2024 và những năm tiếp theo, cán bộ quản lý tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo, điều hành các hoạt động giáo dục trong nhà trường; phát huy tinh thần trách nhiệm trong công tác quản lý tại đơn vị; tự bồi dưỡng kiến thức môn tiếng Anh để giao tiếp với giáo viên người nước ngoài tốt hơn.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

### ***Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên***

Mức 1:

- a) *Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh;*
- b) *100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*
- c) *Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

- a) *Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

### Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

## 1. Mô tả hiện trạng

### Mức 1:

a) Năm học 2022-2023, trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch có 22 giáo viên dạy nhiều môn, 04 giáo viên bộ môn (01 giáo viên Âm nhạc, 02 giáo viên tiếng Anh, 01 giáo viên Tin học) và 01 giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh [H1-1.7-05]. Hiện nay, trường chưa tuyển dụng được giáo viên dạy môn Mỹ thuật, giáo viên dạy môn Giáo dục thể chất nên trong năm học 2023-2024 trường phân công giáo viên dạy nhiều môn dạy luôn môn Mỹ thuật và hợp đồng ngoài 02 giáo viên dạy dạy môn Giáo dục thể chất và 01 giáo viên dạy tiếng Anh [H2-2.2-01].

b) Tỷ lệ giáo viên có trình độ trên chuẩn đào tạo đạt 100% (chuẩn Trung học sư phạm) theo Thông tư 29/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 10 năm 2021 về Quy định ngưng hiệu lực quy định về chuẩn trình độ đào tạo của nhà giáo tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H2-2.2-02].

c) Hằng năm, trường thực hiện đánh giá giáo viên theo quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên đúng quy trình, kết quả 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên [H2-2.2-03].

#### Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp từ năm 2018 đến năm 2023, nhà trường có tỉ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo là 100%. Năm học 2022-2023, nhà trường có 22/27 giáo viên đạt trình độ đại học chiếm tỷ lệ 81,48%, tỷ lệ giáo viên đạt trình độ đại học được duy trì và nâng cao. Trường còn 05 giáo viên chưa có bằng cử nhân”. [H2-2.2-02].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đều đạt chuẩn nghề nghiệp khá và tốt [H2-2.2-03].

c) Trong những năm qua, nhà trường không có trường hợp giáo viên bị kỷ luật [H2-2.2-03].

#### Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo là 100%. [H2-2.2-02].

b) Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông đạt mức khá trở lên, trong đó 88,88% trở lên giáo viên đạt chuẩn ở mức tốt [H2-2.2-03].

### **2. Điểm mạnh**

Đội ngũ giáo viên nhà trường đạt trình độ chuyên môn theo quy định, được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên đạt từ mức khá trở lên với tỷ lệ 100%. Không có trường hợp giáo viên bị kỷ luật.

### **3. Điểm yếu**

Năm học 2022-2023, nhà trường chưa có giáo viên cơ hữu dạy môn Mỹ thuật, Giáo dục thể chất.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024, Hiệu trưởng đã tham mưu, đề xuất với lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi tiếp tục tuyển dụng giáo viên dạy môn Mỹ thuật, Giáo dục thể chất. theo nhu cầu của đơn vị.

**5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.**

***Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên***

*Mức 1:*

- a) Có nhân viên để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

*Mức 2:*

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

*Mức 3:*

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

a) Nhà trường thực hiện phân công nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm để đảm bảo các nhiệm vụ công tác: nhân viên thư viện kiêm thủ quỹ và giáo viên nhiều môn kiêm nhiệm công tác công nghệ thông tin, nhân viên phục vụ công tác bán trú (hợp đồng) đáp ứng các nhiệm vụ mà Hiệu trưởng phân công [H2-2.3-01].

b) Đội ngũ nhân viên được phân công công việc hợp lý, phù hợp với vị trí, năng lực, trình độ và nguyện vọng của cá nhân [H1-1.7-04].

c) Tất cả nhân viên luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao; từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023, 100% nhân viên được hiệu trưởng đánh giá hoàn thành tốt các nhiệm vụ [H2-2.3-02].

**Mức 2:**

a) Năm học 2023-2024, nhà trường vẫn còn thiếu nhân sự phụ trách công nghệ thông tin theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H2-2.3-01].

b) Từ năm học 2018-2019 đến nay, nhân viên nhà trường luôn thực hiện nghiêm các nhiệm vụ được phân công, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. [H2-2.3-01].

Mức 3:

a) Nhân viên y tế diện biên chế có trình độ từ trung cấp theo chuyên ngành; nhân viên thư viện có trình độ cao đẳng và nhân viên Kế toán kiêm nhiệm công tác văn thư có trình độ đại học [H1-1.7-04].

b) Hằng năm, các nhân viên đều được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; nhân viên kế toán tham gia các đợt tập huấn về lập dự toán, quyết toán ngân sách, quản lý tài chính, tài sản; nhân viên thư viện tập huấn về nghiệp vụ quản lý sách; nhân viên phụ trách y tế tham gia các buổi tập huấn tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm; nhân viên bảo vệ tham gia tập huấn kiến thức an ninh quốc phòng, phòng cháy chữa cháy [H2-2.3-03].

## **2. Điểm mạnh**

- Đội ngũ nhân viên được nhà trường phân công nhiệm vụ phù hợp theo năng lực và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Hằng năm, đội ngũ nhân viên được hiệu trưởng tạo điều kiện tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

## **3. Điểm yếu**

Trường chưa có nhân viên phụ trách công nghệ thông tin, nhân viên bảo vệ và nhân viên phục vụ chưa qua đào tạo chuyên môn nghiệp vụ.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023 - 2024, Hiệu trưởng tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo, xây dựng đề án vị trí việc làm trình phòng Nội vụ huyện tuyển dụng thêm nhân viên công nghệ thông tin theo quy định nhằm giúp trường hoạt động có hiệu quả hơn, đồng thời tạo điều kiện để nhân viên bảo vệ và nhân viên phục vụ tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

**Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh**

*Mức 1:*

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định;*
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

*Mức 2:*

*Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.*

*Mức 3:*

*Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

*Mức 1:*

a) Năm học 2023-2024, Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch có 740 học sinh. Học sinh của trường đảm bảo độ tuổi theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ Trường tiểu học; tuổi vào học lớp một là 6 tuổi được tính theo năm; không có học sinh học sớm tuổi [H2-2.4-01].

b) Học sinh có ý thức trách nhiệm tốt, thực hiện đúng 05 nhiệm vụ theo quy định tại Điều 34 của Điều lệ trường tiểu học. Không có học sinh vi phạm quy định về các hành vi học sinh không được làm [H2-2.4-02]; [H1-1.1-04].

c) Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Trường tiểu học: tất cả học sinh đều có quyền được học tập, được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng; được đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng; được đảm bảo những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập và rèn luyện [H1-1.1-04]. Học sinh được tham gia các hoạt động phát huy khả năng của cá nhân; được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng của cá nhân; được nhận học bổng và được hưởng chính sách xã hội theo quy định [H2-2.4-03].

*Mức 2:*

Trong nhiều năm qua, nhà trường luôn quan tâm đến công tác giáo dục đạo đức, phẩm chất cho học sinh; học sinh được chú ý rèn luyện và giáo dục năng lực phẩm chất; nhà trường thường xuyên tuyên truyền, nhắc nhở học sinh và phối hợp

cùng cha mẹ học sinh trong công tác giáo dục học sinh nhằm kịp thời phát hiện những hành vi vi phạm của học sinh để đưa ra biện pháp giáo dục phù hợp giúp học sinh có sự chuyển biến tích cực, không có học sinh bị kỷ luật [H1-1.5-03].

### Mức 3:

Trong nhiều năm qua, học sinh đã đạt được nhiều thành tích tốt trong học tập và rèn luyện; tham gia phong trào của lớp, nhà trường, các hội thi do huyện, thành phố tổ chức [H1-1.6-05]. Học sinh có ý thức tốt trong việc chấp hành nội quy, quy định của nhà trường. Tuy nhiên vẫn còn một số ít học sinh chưa thực hành nghiêm việc giữ gìn vệ sinh chung, bỏ rác chưa đúng nơi quy định.

### **2. Điểm mạnh**

Học sinh của trường đảm bảo độ tuổi theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ Trường tiểu học .

Học sinh có ý thức trách nhiệm tốt, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của học sinh theo quy định trong Điều lệ trường tiểu học.

### **3. Điểm yếu**

Một số học sinh đôi lúc chưa có ý thức tự giác trong việc giữ gìn vệ sinh chung, vệ sinh trường lớp, bỏ rác chưa đúng nơi quy định.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hiệu trưởng khen thưởng kịp thời học sinh thực hiện tốt 05 Điều Bác Hồ dạy, 05 nhiệm vụ học sinh tiểu học, đạt thành tích cao trong các phong trào, hội thi do các cấp tổ chức.

Cán bộ quản lý, giáo viên chủ nhiệm, Tổng phụ trách Đội tiếp tục tăng cường công tác giáo dục thông qua giờ sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt chủ nhiệm, kiểm tra, nhắc nhở thường xuyên để học sinh chăm ngoan, có ý thức tự giác trong học tập và giữ gìn vệ sinh chung.

### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 2:**

### **Điểm mạnh nổi bật:**



Đội ngũ cán bộ quản lý nhà trường được bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục, đáp ứng các yêu cầu về chỉ đạo công tác chuyên môn, được tập thể tín nhiệm, tổ chức và quản lý hiệu quả các hoạt động trong nhà trường.

Đội ngũ giáo viên, nhân viên đoàn kết, nhất trí cao, có ý thức trách nhiệm, chuyên môn vững vàng, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, được đảm bảo tốt các chế độ, chính sách theo quy định.

Học sinh chăm ngoan, lễ phép, đảm bảo về độ tuổi theo quy định, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học sinh, các quy định của trường, của tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Trường tiểu học.

### **Điểm yếu cơ bản:**

Năm học 2022-2023, nhà trường chưa có giáo viên môn Mỹ thuật, Giáo dục thể chất.

Một số học sinh đôi lúc chưa có ý thức tự giác trong việc giữ gìn vệ sinh chung, vệ sinh trường lớp, bỏ rác chưa đúng nơi quy định.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04**

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04**

### **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

#### **Mở đầu:**

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có cổng trường. Các hình ảnh trang trí trường, lớp được sắp xếp hợp lý, phù hợp lứa tuổi học sinh tiểu học. Mỗi lớp học có đầy đủ ánh sáng, thoáng mát, bàn ghế đúng quy cách. Trường có 04 khu vệ sinh riêng biệt, có nơi để xe cho giáo viên ; có hệ thống nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường. Tuy nhiên, sân chơi nhỏ hẹp, không đảm bảo điều kiện sinh hoạt, học tập và vui chơi của các em.

Thư viện của trường có đầy đủ sách, báo, tài liệu tham khảo và phòng đọc sách đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của giáo viên, nhân viên và học sinh, có đủ các loại hồ sơ, sổ sách theo quy định.

Hằng năm, trường có các biện pháp duy trì, tăng cường hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục hiện có, đảm bảo tiết kiệm và chống lãng phí về đồ

dùng dạy học, thiết bị. Trường khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học và sử dụng đồ dùng dạy học có hiệu quả.

***Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập***

Mức 1:

*a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*

*b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;*

*c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.*

Mức 2:

*a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;*

*b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.*

Mức 3:

*Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục. Có trồng cây bóng mát và cây kiểng trong các bồn hoa trong khuôn viên. Nhân viên nhà trường thường xuyên chăm sóc, quét dọn sạch, đẹp [H3-3.1-01].

b) Cổng trường và tường rào bao quanh có chiều cao 3,20 m và 7,19 m đảm bảo an toàn, thẩm mỹ. Trường có 1 cổng đảm bảo thông thoáng cho học sinh ra vào trường. Biển tên trường rõ ràng đáp ứng theo quy định tại Khoản 2, Điều 5 theo Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư Ban hành Điều lệ Trường tiểu học [H3-3.1-02].

c) Trường có sân chơi cũng là sân tập thể dục cho học sinh [H3-3.1-03].

Mức 2:

a) Tổng diện tích toàn trường 1619,6 m<sup>2</sup> với 740 học sinh, bình quân 2,18 m<sup>2</sup>/học sinh nên chưa đảm bảo theo quy định tại Khoản 3, Điều 9, Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học

cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học là 10 m<sup>2</sup>/ học sinh [H3-3.1-01].

b) Nhà trường chưa đảm bảo diện tích sân chơi, sân tập cho học sinh nhưng đảm bảo việc luyện tập thường xuyên trong giờ học thể dục và hoạt động thể dục thể thao [H3-3.1-03].

Mức 3:

Nhà trường có sân chơi cũng là sân tập thể dục, sân chơi bằng phẳng, có cây xanh che bóng mát cho học sinh. Tuy nhiên, sân trường hẹp, không có chỗ để trang bị đồ chơi, thiết bị vận động ở sân chơi. [H3-3.1-03]

## **2. Điểm mạnh**

Cổng trường và tường rào xây cao đảm bảo an toàn, đảm bảo tốt về an ninh trật tự. Sân trường được tráng bê tông sạch sẽ, có trồng cây bóng mát cho học sinh tập thể dục và vui chơi.

## **3. Điểm yếu**

Diện tích bình quân cho mỗi học sinh chưa đảm bảo theo quy định.

Sân chơi hẹp, không có chỗ để trang bị đồ chơi, thiết bị vận động ở sân chơi

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2023-2024, nhà trường tiếp tục duy trì cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn.

Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu, đề xuất với lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, mở rộng diện tích trường lớp đảm bảo diện tích sân chơi cho học sinh.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.**

### ***Tiêu chí 3.2: Phòng học***

*Mức 1:*

*a) Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;*

*b) Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;*

c) Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

- a) Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;
- c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.

Mức 3:

Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có).

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Năm học 2023-2024, trường có 20 phòng học/20 lớp, đảm bảo được 100% các lớp có phòng học riêng biệt và học 2 buổi/ ngày. Phòng học được xây dựng đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định. Mỗi phòng học có đủ ánh sáng, thoáng mát, an toàn cho giáo viên và học sinh theo quy định về vệ sinh trường học; nhà trường đảm bảo trang trí các lớp đúng quy định như ảnh Bác Hồ, bảng 5 điều Bác Hồ dạy, bảng chữ cái, bảng Trích thư Bác Hồ gửi học sinh, bản đồ Việt Nam, góc sản phẩm cho mỗi phòng học [H3-3.2-01].

b) Trường có đủ bàn, ghế, chỗ ngồi cho học sinh, bàn ghế có kết cấu chắc chắn, đảm bảo an toàn, thẩm mỹ, thuận lợi cho việc di chuyển trong quá trình học tập, kích thước bàn ghế phù hợp với tầm vóc, lứa tuổi học sinh tiểu học, mỗi lớp học đều có một bộ bàn ghế giáo viên, có một bảng lớp lớn với kích thước, màu sắc, vị trí treo bảng đảm bảo quy định về vệ sinh trường học tại Thông tư Liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT ngày 16 tháng 6 năm 2011 về hướng dẫn tiêu chuẩn bàn ghế học sinh trường tiểu học [H3-3.2-02].

c) Phòng học được trang bị hệ thống đèn, quạt, đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát, an toàn cho giáo viên và học sinh; có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học đáp ứng việc tổ chức các hoạt động giảng dạy và học tập [H3-3.2-01].

Mức 2:

a) Nhà trường có 20 phòng học với diện tích mỗi phòng học là  $48 \text{ m}^2$ , bình quân là  $1,3 \text{ m}^2/\text{học sinh}$ ; đối chiếu theo mục 5.2.3 TCVN 8793: 2011 về diện tích phòng học được xác định với tiêu chuẩn  $1,25 \text{ m}^2/\text{học sinh}$  [H3-3.2-01].

b) Mỗi phòng học đều được trang bị tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định [H3-3.2-01].

c) Phòng học có đủ bàn ghế cho học sinh đảm bảo đúng quy cách, kích thước, chất liệu, kết cấu, kiểu dáng bàn ghế học sinh đúng quy định theo Thông tư Liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BYT, ngày 16 tháng 6 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học Công nghệ và Bộ Y tế [H3-3.2-02].

Mức 3:

Trường chưa có các phòng riêng biệt để dạy các môn Âm nhạc, Mỹ thuật, khoa học, tiếng Anh.” [H3-3.2-03].

## **2. Điểm mạnh**

Mỗi lớp có phòng học riêng biệt, các phòng đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát, an toàn cho giáo viên và học sinh. Bàn ghế học sinh đúng chuẩn.

## **3. Điểm yếu**

Còn thiếu các phòng bộ môn như: phòng dạy Mỹ thuật, phòng dạy Âm nhạc, phòng đa năng so với quy định hiện hành.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2023-2024, hiệu trưởng tiếp tục đề xuất với lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi mở rộng diện tích đất xây thêm phòng học để đảm bảo diện tích bình quân cho mỗi học sinh trong lớp và có đủ phòng học bộ môn để nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập của học sinh.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

***Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính-quản trị***

Mức 1:

a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;

b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có các phòng tin học, phòng Thiết bị giáo dục, phòng Truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục. [H3-3.3-01]. Trường chưa có phòng giáo dục nghệ thuật.

b) Khối phòng hành chính - quản trị: phòng Hành chính - Kế toán, phòng y tế, phòng Hiệu trưởng, phòng Phó Hiệu trưởng đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường [H3-3.3-02].

c) Trường có nhà xe riêng biệt dành cho giáo viên, bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn trật tự đúng theo quy định [H3-3.3-03].

Mức 2:

a) Trường có khối phòng hành chính quản trị đảm bảo theo quy định bao gồm: phòng Ban giám hiệu, phòng y tế học đường, phòng y tế được trang bị tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, các thiết bị y tế tối thiểu trong việc sơ cấp cứu đảm bảo theo quy định. Trường trang bị đầy đủ các loại máy văn phòng như: máy tính nối

mạng Internet, máy photo, máy in,...phục vụ đầy đủ kịp thời các hoạt động giáo dục, công tác quản lý và giảng dạy H3-3.3-01].

b) Trường chưa có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu riêng biệt, vì vậy các bộ phận thực hiện lưu trữ hồ sơ tại phòng làm việc [H3-3.3-01].

Mức 3:

Nhà trường trang bị đầy đủ các trang thiết bị như: bàn, ghế, bảng, tủ đựng thiết bị, hồ sơ, máy vi tính và các phương tiện làm việc phù hợp; đáp ứng tốt cho hoạt động của nhà trường [H3-3.3-01], [H3-3.3-02].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường trang bị đầy đủ các trang thiết bị phục vụ tốt cho các hoạt động của nhà trường.

## **3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có nhà đa năng, chưa có phòng giáo dục nghệ thuật.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2023-2024, hiệu trưởng tiếp tục đề xuất với lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi mở rộng diện tích đất xây thêm phòng giáo dục nghệ thuật, nhà đa năng.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

### ***Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước***

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

*b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có 04 khu vệ sinh dành cho học sinh, 01 khu vệ sinh dành cho giáo viên, nhân viên; các khu vệ sinh đều riêng biệt cho nam và nữ; được đặt tại những vị trí phù hợp, thuận tiện. Khu nhà vệ sinh luôn được dọn dẹp sạch sẽ, không có mùi hôi [H3-3.4-01]. Trường chưa có nhà vệ sinh dành cho học sinh khuyết tật.

b) Nhà trường sử dụng nước uống đóng bình, đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm. Các nguồn nước đều được kiểm định chất lượng thường xuyên và có giấy chứng nhận của ngành y tế [H3-3.4-02]. Hệ thống thoát nước được thiết kế, xây dựng theo quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-03].

c) Việc thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường; mỗi phòng học, phòng làm việc và sân trường đều bố trí các sọt chứa rác có nắp đậy, bao chứa rác đúng quy định; thực hiện thu gom, xử lý rác sinh hoạt và độc hại đúng quy định; khu vực chứa rác được cách ly riêng biệt với các khu vực khác; nhà trường thực hiện ký hợp đồng với đơn vị thu gom rác, đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường [H3-3.4-04].

Mức 2:

a) Trường có 04 khu vệ sinh dành cho học sinh nam, nữ riêng biệt, đảm bảo theo quy định Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8793:2011 về yêu cầu diện tích tối thiểu nhà vệ sinh dành cho học sinh [H3-3.4-01].

b) Trường sử dụng hệ thống cấp nước sạch, đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đều đáp ứng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế [H3-3.4-02]; [H3-3.4-04].

### **2. Điểm mạnh**

Số lượng nhà vệ sinh đáp ứng được nhu cầu của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường. Khu nhà vệ sinh luôn được dọn dẹp sạch sẽ, không có mùi hôi, có hệ thống thoát nước, thu gom rác đạt yêu cầu, thẩm mỹ.



### 3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có nhà vệ sinh dành cho học sinh khuyết tật.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì hệ thống nhà vệ sinh đầy đủ, sạch sẽ, từng bước tăng cường cải thiện khu nhà vệ sinh giáo viên và học sinh theo hướng hiện đại; tham mưu với lãnh đạo chính quyền địa phương, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi xây dựng nhà vệ sinh riêng dành cho học sinh khuyết tật.

### 5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

#### ***Tiêu chí 3.5: Thiết bị***

##### *Mức 1:*

*a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;*

*c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

##### *Mức 2:*

*a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*

*c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.*

##### *Mức 3:*

*Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.*

### 1. Mô tả hiện trạng

##### *Mức 1:*

a) Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị văn phòng như: máy tính kết nối mạng internet, máy in, máy photo và các loại thiết bị khác phục vụ đầy đủ, kịp thời các hoạt động giáo dục và công tác quản lý nhà trường [H3-3.5-01].

b) Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy học và giáo dục: bảng, hệ thống tranh ảnh các môn học: Tiếng Việt, Toán, Khoa học, Đạo đức, Lịch sử, Địa lí.... máy chiếu, tivi, tủ đựng hồ sơ, máy tính, máy in, máy photocopy, loa, âm li,...theo danh mục, đảm bảo yêu cầu theo quy định [H3-3.5-01]; [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03].

c) Hằng năm, trường thực hiện nghiêm túc việc kiểm kê tài sản; thường xuyên nâng cấp, sửa chữa và bổ sung đồ dùng, trang thiết bị phục vụ dạy học theo nhu cầu thực tế, đề xuất của giáo viên và các bộ phận [H3-3.5-04].

#### Mức 2:

a) Nhà trường đã thực hiện kết nối Internet cho toàn bộ hệ thống máy tính của tất cả các bộ phận, phục vụ tốt cho các hoạt động dạy học, công tác quản lý nhà trường [H3-3.5-05].

b) Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị dạy học theo danh mục quy định, đảm bảo yêu cầu tối thiểu [H3-3.5-03].

c) Hằng năm, nhân viên thư viện - thiết bị tham mưu với hiệu trưởng kế hoạch bổ sung các thiết bị dạy học theo yêu cầu; giáo viên bổ sung đồ dùng dạy học tự làm [H3-3.5-06].

#### Mức 3:

Giáo viên sử dụng các thiết bị dạy học và thiết bị tự làm hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Tuy nhiên, các đồ dùng dạy học tự làm chưa đáp ứng cao về tính thẩm mỹ, độ bền và chưa được giáo viên khai thác, sử dụng thường xuyên trong các tiết học.

### **2. Điểm mạnh**

Trường trang bị đầy đủ đồ dùng dạy học tối thiểu và đủ thiết bị cho từng lớp, hệ thống internet được kết nối cho tất cả các bộ phận, đáp ứng tốt các hoạt động dạy học, quản lý giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **3. Điểm yếu**

Các đồ dùng dạy học tự làm chưa đáp ứng cao về tính thẩm mỹ, độ bền và chưa được giáo viên khai thác, sử dụng thường xuyên trong các tiết học.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023 - 2024 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục đầu tư, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học cho bộ phận thiết bị; đẩy mạnh việc làm đồ dùng dạy học của giáo viên qua các hội thi; có kế hoạch hỗ trợ kinh phí để giáo viên làm đồ dùng dạy học chất lượng, hiệu quả sử dụng lâu dài và phục vụ cho tiết dạy tốt hơn.

Hiệu trưởng chỉ đạo nhân viên thư viện, thiết bị phối hợp với các tổ chuyên môn có kế hoạch cải tiến chất lượng các đồ dùng dạy học giáo viên tự làm.

#### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

##### ***Tiêu chí 3.6: Thư viện***

##### ***Mức 1:***

*a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học;*

*b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;*

*c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.*

##### ***Mức 2:***

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.*

##### ***Mức 3:***

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

##### ***Mức 1:***

*a) Thư viện nhà trường được trang bị đầy đủ các đầu sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và sách nghiệp vụ tham khảo,*

phục vụ tốt, có hiệu quả hoạt động dạy học và giáo dục của giáo viên [H3-3.6-01].

b) Thư viện có xây dựng kế hoạch hoạt động năm, tháng; lập và lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo quy định, thư viện mở cửa thường xuyên phục vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường, có bàn ghế phục vụ học sinh đọc trong giờ ra chơi, giờ nghỉ giữa hai buổi học. Thư viện nhà trường có nội dung hoạt động phù hợp với giáo dục toàn diện của giáo viên và tâm lý của lứa tuổi học sinh [H3-3.6-01]; [H3-3.6-02].

c) Hằng năm, thư viện tổ chức kiểm kê, bổ sung sách, báo, truyện và tài liệu tham khảo để bổ sung cho tủ sách thư viện; giáo viên chủ nhiệm vận động học sinh đóng góp sách, truyện tạo thêm sự phong phú, đa dạng cho hoạt động thư viện, thu hút cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đến đọc và tham khảo [H3-3.6-03]. Nhân viên thư viện mới tuyển, chưa tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn về công tác thư viện.

#### Mức 2:

Trong 05 năm liền, thư viện được công nhận thư viện đạt chuẩn và Tiên tiến theo quy định tại Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “Quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông” [H3-3.6-04].

#### Mức 3:

Thư viện có đầy đủ các loại sách, báo, tài liệu tham khảo; sắp xếp ngăn nắp, thẩm mỹ, phục vụ tốt cho nhu cầu của tất cả giáo viên và học sinh. Thư viện của nhà trường đạt tiên tiến, có hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.6-03]. Tuy nhiên thư viện chưa có phòng thiết bị, phòng đọc của giáo viên, phòng đọc của học sinh riêng biệt.

## **2. Điểm mạnh**

Thư viện nhà trường được trang bị đầy đủ các đầu sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và sách nghiệp vụ tham khảo, đáp ứng kịp

thời và phục vụ tốt cho nhu cầu hoạt động nghiên cứu giảng dạy, học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

### **3. Điểm yếu**

Thư viện chưa phòng thiết bị, phòng đọc của giáo viên, phòng đọc của học sinh riêng biệt.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2023-2024, hiệu trưởng tiếp tục đề xuất lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi mở rộng trường lớp, thư viện.

### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 3:**

#### **Điểm mạnh nổi bật:**

Cơ sở vật chất của nhà trường đảm bảo cơ bản theo quy định Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT. Khối phòng hành chính được trang bị đầy đủ các thiết bị để phục vụ công tác.

Trường có hệ thống nước sạch, nơi chứa rác cách xa các khu vực khác, thu gom rác an toàn, gọn gàng, đảm bảo vệ sinh môi trường.

Trường trang bị đầy đủ đồ dùng dạy học tối thiểu và tủ thiết bị cho từng lớp, đáp ứng tốt các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong 05 năm liên, thư viện được công nhận thư viện đạt chuẩn và Tiên tiến theo quy định tại Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “Quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông”.

#### **Điểm yếu cơ bản:**

Diện tích bình quân cho mỗi học sinh chưa đảm bảo theo quy định. Sân chơi chưa được trang bị đồ chơi, thiết bị vận động nên chưa đáp ứng nhu cầu vui chơi cho học sinh toàn trường.

Thiếu nhiều phòng chức năng, phòng học bộ môn.

Công tác thư viện do nhân viên mới tuyển, chưa tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn về công tác thư viện nên chưa tổ chức nhiều hoạt động đạt hiệu quả

cao, chưa có phòng thiết bị, chưa có phòng đọc của giáo viên, phòng đọc của học sinh riêng biệt.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 06/06.

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 00/06.

#### **Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

##### **Mở đầu:**

Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch luôn xác định việc phối hợp chặt chẽ giữa 03 môi trường nhà trường, gia đình và xã hội tạo được sự đồng thuận, thống nhất trong công tác giáo dục học sinh về mọi mặt. Trường tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động; tham mưu với cấp ủy Đảng các nội dung về giáo dục phù hợp với tình hình địa phương và thực tế nhà trường; phối hợp tốt với chính quyền và các tổ chức, đoàn thể ở địa phương góp phần thúc đẩy các hoạt động giáo dục trong nhà trường ngày càng ổn định và phát triển nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

##### **Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh**

###### **Mức 1:**

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

###### **Mức 2:**

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

###### **Mức 3:**

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

#### **1. Mô tả hiện trạng**

### Mức 1:

a) Nhà trường tổ chức cho giáo viên chủ nhiệm các lớp họp cha mẹ học sinh đầu mỗi năm học, bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh của mỗi lớp. Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp gồm 01 trưởng ban, 01 phó ban và 01 ủy viên [H4-4.1-01]. Sau đó nhà trường tiến hành Đại hội đại biểu cha mẹ học sinh toàn trường để bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường theo nhiệm kỳ năm học; Ban đại diện cha mẹ học sinh trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch được thành lập và hoạt động đúng theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm 01 trưởng ban, 02 phó ban và 07 thành viên [H4-4.1-02].

b) Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động, nhà trường đã thường xuyên cung cấp đầy đủ thông tin về kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục của nhà trường cho Ban đại diện cha mẹ học sinh trường cũng như toàn thể cha mẹ học sinh được rõ để cùng phối hợp thực hiện; Ban đại diện cha mẹ học sinh trường xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể cho mỗi năm học, bám sát mục tiêu, kế hoạch giáo dục nhà trường. Thường xuyên phối hợp với nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh theo Điều lệ Ban Đại diện cha mẹ học sinh [H1-4.1-03].

c) Nhà trường tổ chức họp định kỳ 3 lần/năm học với Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp. Ngoài ra, trưởng Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường có thể triệu tập họp đột xuất khi có vấn đề cần giải quyết hoặc hỗ trợ các hoạt động giáo dục của nhà trường; các buổi họp giữa nhà trường với Ban đại diện cha mẹ học sinh chủ yếu tập trung bàn bạc các giải pháp, góp phần nâng cao hiệu quả chất lượng giáo dục của nhà trường, đồng thời giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh [H4-4.1-04].

### Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp nhịp nhàng với nhà trường trong các hoạt động: tổ chức các cuộc họp định kỳ, tham gia các ngày lễ, hội: “Khai giảng năm học mới”, ngày hội “Giới thiệu ngôi trường tiểu học của em”, “Xuân yêu

thương”, “Hội trăng rằm”, “Lễ kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11”, “Lễ giỗ Quốc Tổ Hùng Vương” mừng 10/3 Âm lịch,... ; tích cực đồng hành trong các hoạt động ngoại khóa của nhà trường; phối hợp cùng nhà trường huy động học sinh đến trường, vận động học sinh khó khăn có nguy cơ bỏ học trở lại lớp. Công tác phối hợp giữa Ban đại diện cha mẹ học sinh với nhà trường trong thực hiện các hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương, chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh đôi lúc chưa đồng bộ, kịp thời; vẫn còn tình trạng cha mẹ học sinh khoán trắng việc giáo dục học sinh cho nhà trường [H4-4.1-01]; [H4-4.1-05].

### Mức 3:

Ban Đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường trong các buổi sinh hoạt tập thể, họp cha mẹ học sinh, lễ khai giảng và tổng kết năm học, tuyên truyền để tăng thêm sự hiểu biết trong phụ huynh, trong cộng đồng dân cư về nội dung, phương pháp và cách đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014; Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 về quy định đánh giá học sinh tiểu học đối các lớp chưa thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018. Các lớp học chương trình giáo dục phổ thông 2018 thực hiện đánh giá theo Thông tư số 27/2020/TT- BGDDT ngày 04 tháng 9 năm 2022; tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia thực hiện mục tiêu và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Tuy nhiên, một số phụ huynh chưa quan tâm đến việc học của con em mình nên hiểu chưa đúng về cách đánh giá học sinh tiểu học theo hướng dẫn của Thông tư 22/2016/TT- BGDDT và Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT [H1-1.2-04]; [H4-4.1-05].

## **2. Điểm mạnh**

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp chặt chẽ với nhà trường để tổ chức các hoạt động, phát huy được hiệu quả trong công việc.

Ban đại diện cha mẹ học sinh trường và các lớp đều nhiệt tình, tâm huyết, nắm chắc Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh trong tổ chức hoạt động.

## **3. Điểm yếu**



Một số ít phụ huynh học sinh chưa thực sự quan tâm đến con em, giao khoán cho giáo viên và nhà trường.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục đẩy mạnh hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh để đạt hiệu quả hơn trong sự nghiệp giáo dục của nhà trường; phát huy vai trò của giáo viên chủ nhiệm là cầu nối chặt chẽ với cha mẹ học sinh trong việc nắm bắt thông tin cũng như việc học tập của các em sao cho cha mẹ học sinh hiểu và quan tâm nhiều hơn.

#### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

***Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường***

*Mức 1:*

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

*Mức 2:*

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

*Mức 3:*

*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường luôn chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để tổ chức các hoạt động giảng dạy, tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong trường, Hiệu trưởng xây dựng và duy trì mối quan hệ chặt chẽ với các đoàn thể, chính quyền địa phương để phối hợp giải quyết những công việc có liên quan đến công tác giáo dục của nhà trường cũng như chăm lo quyền lợi của học sinh [H4-4.2-01].

b) Nhà trường tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức khác nhau như: qua các cuộc họp, qua các phương tiện truyền thông [H4-4.2-02].

c) Hiệu trưởng thực hiện việc huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội hóa theo đúng quy định của các tổ chức, cá nhân để trang bị cơ sở vật chất; tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học; khen thưởng học sinh đạt thành tích xuất sắc trong học tập, rèn luyện, học sinh đạt thành tích xuất sắc trong các hoạt động phong trào, hội thi, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn [H2-2.4-03].

Mức 2:

a) Hiệu trưởng luôn chủ động trong việc xin ý kiến chỉ đạo từ cấp ủy Đảng, chính quyền và cơ quan lãnh đạo cấp trên để thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường như: duy trì sĩ số học sinh; đề xuất sửa chữa, nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất, tham mưu công tác xã hội hóa giáo dục [H1-1.1-01].

b) Nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể như xã Đoàn Tân An Hội, Hội Cựu chiến binh tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục

khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng tại địa phương; hằng năm, nhà trường đều tổ chức cho học sinh tham quan học tập ngoại khóa tại các điểm di tích lịch sử như đền Bến Dược, địa đạo Củ Chi, nhà Truyền thống Củ Chi,... Công đoàn cùng Tổng phụ trách Đội tổ chức viếng đền, thăm hỏi, tặng quà gia đình thương binh, liệt sĩ, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng tại địa phương vào kỷ niệm ngày Thương binh, liệt sĩ 27/7 hằng năm [H4-4.2-03].

### Mức 3:

Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương chưa đạt hiệu quả.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường phối hợp tốt với các tổ chức đoàn thể của địa phương, huy động sự tham gia của cộng đồng để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền thông qua các buổi sinh hoạt chào cờ đầu tuần, các tiết học ngoại khóa, các tiết sinh hoạt lớp, ...Quan tâm, chăm sóc các di tích lịch sử, công trình văn hóa thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

## **3. Điểm yếu**

Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương chưa đạt hiệu quả.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch phối hợp chặt chẽ với các ban ngành, đoàn thể địa phương tăng cường các giải pháp tuyên truyền, vận động cộng đồng thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và ngành giáo dục. Xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

## **Kết luận về Tiêu chuẩn 4:**

**Điểm mạnh nổi bật:**

Trong những năm qua, nhà trường đã phối hợp tốt 3 môi trường Nhà trường - Gia đình - Xã hội trong công tác giáo dục đạo đức học sinh. Hằng năm, nhà trường đều tạo điều kiện thuận lợi cho Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo Nghị quyết đầu năm học đề ra. Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động và thực hiện tốt nhiệm vụ theo đúng Điều lệ. Công tác phối hợp giữa nhà trường với các đoàn thể đã góp phần tích cực và mang lại hiệu quả trong hoạt động giáo dục của đơn vị.

Hiệu trưởng thực hiện tốt việc phối hợp với các tổ chức, đoàn thể để giáo dục học sinh về truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc tại địa phương; tuyên truyền về nội dung, phương pháp đánh giá học sinh tiểu học đến cha mẹ học sinh và cộng đồng.

**Điểm yếu cơ bản:**

Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương chưa đạt hiệu quả.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 02/02

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 00/02

**Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục****Mở đầu:**

Nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc nội dung phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, thực hiện đúng các quy chế chuyên môn. Hoạt động giáo dục trong nhà trường được triển khai đến mỗi giáo viên trong từng năm học theo kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi. Bên cạnh đó, nhà trường luôn tạo điều kiện để trẻ có hoàn cảnh khó khăn, trẻ khuyết tật học hòa nhập tại trường.

Nhà trường luôn quan tâm đến việc chăm sóc sức khỏe, giáo dục thể chất và giáo dục ý thức bảo vệ môi trường của học sinh. Các hoạt động ngoài giờ lên lớp được giáo viên chú trọng và thực hiện đúng quy định nhằm giáo dục kỹ năng sống, tạo cơ hội để học sinh tham gia vào quá trình học tập một cách tích cực, chủ động,

sáng tạo. Nhà trường rất chú trọng công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh yếu.

***Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường***

Mức 1:

- a) Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*
- b) Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;*
- c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.*

Mức 2:

- a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*
- b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường căn cứ vào kế hoạch công tác giáo dục tiểu học của Sở Giáo dục và Đào tạo, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ tiểu học của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi để xây dựng kế hoạch giáo dục cho từng năm học, tháng, tuần đáp ứng quy định chuyên môn của nhà trường [H1-1.1-03]; [H1-1.8-01].

b) Nhà trường tổ chức thực hiện đủ các môn học và các hoạt động giáo dục, đúng chương trình và kế hoạch giảng dạy [H5-5.1-01], đảm bảo yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng, yêu cầu cần đạt; yêu cầu về phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh. Lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh, tạo cơ hội cho học sinh được phát triển toàn diện [H1-1.8-01].

c) Kế hoạch giáo dục nhà trường thực hiện mỗi năm đều được trình Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi góp ý, phê duyệt trước khi triển khai thực hiện [H1-1.8-01].

Mức 2:

a) Trường luôn cập nhật và triển khai thực hiện kịp thời, đầy đủ các hướng dẫn, văn bản chỉ đạo chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi [H1-1.1-02].

b) Kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch chuyên môn của trường được phổ biến, công khai trên trang thông tin điện tử, niêm yết trên bản tin của nhà trường để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh nắm bắt và cùng nhà trường phối hợp thực hiện. Tuy nhiên việc giám sát của cộng đồng đối với việc thực hiện các kế hoạch nhà trường đôi lúc chưa thường xuyên, chưa kịp tiến độ [H1-1.1-04].

## **2. Điểm mạnh**

Kế hoạch giáo dục nhà trường xây dựng rõ ràng, cụ thể theo học kỳ, tháng, tuần và đều cập nhật thường xuyên các quy định chuyên môn.

Kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch chuyên môn của trường được phổ biến, công khai trên trang thông tin điện tử, niêm yết trên bản tin của nhà trường để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh nắm bắt và cùng nhà trường phối hợp thực hiện.

## **3. Điểm yếu**

Việc giám sát của cộng đồng đối với việc thực hiện các kế hoạch nhà trường đôi lúc chưa thường xuyên, kịp thời.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tăng cường các hình thức tuyên truyền để cha mẹ học sinh nắm bắt, phối hợp thực hiện hiệu quả hơn các kế hoạch, hoạt động giáo dục của nhà trường.

Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm các lớp, giáo viên dạy các môn chuyên trách phối hợp nhịp nhàng, khuyến khích cha mẹ học sinh quan tâm, đồng hành, tham gia, giám sát tất cả các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức.

## **5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

### ***Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học***

#### ***Mức 1:***

a) *Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;*

b) *Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;*

c) *Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.*

#### ***Mức 2:***

a) *Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;*

b) *Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.*

#### ***Mức 3:***

*Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1:**

a) Nhà trường thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục; tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học. Các hoạt động giáo dục của nhà trường được triển khai thực hiện đầy đủ, đảm bảo mục tiêu giáo dục của nhà trường [H5-5.1-01].

b) Nhà trường chú trọng đổi mới phương pháp dạy học theo hướng hiện đại, dạy học phát huy phẩm chất, năng lực của học sinh. Hiệu trưởng chỉ đạo cho phó

hiệu trưởng phụ trách chuyên môn triển khai kịp thời đến toàn thể giáo viên các phương pháp dạy học tích cực qua các tiết thao giảng, chuyên đề khi vận dụng các phương pháp, kỹ thuật tích cực trong tiết dạy, giáo viên đảm bảo thời lượng của từng tiết dạy và dạy đúng theo thời khoá biểu, chú trọng đến phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, thực hiện dạy theo hướng cá thể hoá đảm bảo học sinh được tham gia các hoạt động học tập trong tiết dạy [H5-5.2-01]. Hiện nay nhà trường vẫn còn một số ít giáo viên chưa vận dụng hiệu quả việc đổi mới phương pháp dạy học, chưa phát huy hết tính chủ động, sáng tạo của học sinh, còn hạn chế ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học [H1-1.1-04]; [H1-1.4-15].

c) Nhà trường thực hiện đánh giá học sinh tiểu học đúng Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 đối với học sinh khối lớp 1, lớp 2 lớp 3 và lớp 4. Đối với học sinh khối lớp 5 thực hiện theo Thông tư 22 /2016 / TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 về quy định đánh giá học sinh tiểu học; thực hiện nhận xét, đánh giá học sinh thường xuyên, định kỳ thông qua cổng thông tin điện tử [H1-1.6-11].

#### Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục cấp tiểu học theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông và Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng các môn học ở Tiểu học; công văn số 5842/BGDĐT-VP ngày 01 tháng 9 năm 2011 về “Hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học giáo dục phổ thông”; văn bản 3799/BGDĐT-GDTH ngày 01 tháng 9 năm 2021 về việc thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 đáp ứng yêu cầu chương trình Giáo dục phổ thông 2018; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh [H5-5.2-01].



b) Nhà trường luôn chú trọng công tác phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện theo quy định [H5-5.2-02].

### Mức 3:

Định kỳ hàng tháng và mỗi học kỳ, nhà trường thực hiện việc đánh giá kết quả thực hiện thông qua các lần sinh hoạt chuyên môn, phát hiện những hạn chế còn tồn tại cũng như nguyên nhân; để từ đó đề ra các biện pháp điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp; qua đó, trường luôn duy trì và nâng cao chất lượng dạy học và giáo dục của giáo viên, học sinh [H1-1.1-04]. Tuy nhiên việc ứng dụng công nghệ thông tin trong khai thác nội dung bài và đổi mới phương pháp giảng dạy đối với một số ít giáo viên lớn tuổi vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

## **2. Điểm mạnh**

Giáo viên thực hiện tốt quy chế chuyên môn, đảm bảo dạy đủ các môn và dạy đúng chương trình theo quy định; tích cực, chủ động, linh hoạt trong việc thay đổi nội dung, phương pháp, hình thức dạy học, phù hợp với điều kiện, tình hình học sinh của lớp.

Nhà trường thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục, xây dựng thời khóa biểu, dạy đủ, đúng kế hoạch giáo dục nhà trường phù hợp với tình hình của lớp và tâm sinh lý lứa tuổi học sinh, đảm bảo tính ổn định trong cả học kỳ, cả năm học.

## **3. Điểm yếu**

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong khai thác nội dung bài và đổi mới phương pháp giảng dạy đối với một số ít giáo viên lớn tuổi vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm 2023-2024, nhà trường tiếp tục chỉ đạo, triển khai đến toàn thể đội ngũ giáo viên việc thực hiện dạy đủ các môn học, đúng chương trình, kế hoạch, đảm bảo yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng, yêu cầu cần đạt, lựa chọn, điều chỉnh nội dung, thời gian phù hợp với từng giai đoạn trong năm học.

Cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn tăng cường công tác thăm lớp, dự giờ, góp ý, giúp đỡ cho những giáo viên còn hạn chế trong việc đổi mới phương pháp, mạnh dạn ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

Tổ chức tập huấn cho đội ngũ nhằm giúp cho giáo viên mạnh dạn, tự tin hơn, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy đạt hiệu quả hơn.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác***

*Mức 1:*

a) *Đảm bảo theo kế hoạch;*

b) *Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;*

c) *Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.*

*Mức 2:*

*Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.*

*Mức 3:*

*Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

*Mức 1:*

a) Bên cạnh việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục theo nội dung chương trình chính khóa, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục ngoài giờ lên lớp và triển khai thực hiện đầy đủ, đảm bảo mục tiêu đề ra như: tổ chức hoạt động thể dục thể thao, hội diễn văn nghệ, kỷ niệm các ngày lễ, hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoài giờ lên lớp nhằm tạo điều kiện cho học sinh có cơ hội được trải nghiệm thực tế, phát triển toàn diện [H5-5.3-01].

b) Nhà trường đã tổ chức nhiều hình thức hoạt động ngoài giờ lên lớp phù hợp với lứa tuổi và nhu cầu của học sinh, tạo được sự hứng thú, góp phần nâng cao chất lượng học tập và rèn luyện đạo đức cho học sinh: hội diễn văn nghệ, hội thao,

Lễ hội trăng rằm, hoạt động chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày hội giáo dục môi trường, Xuân yêu thương, Lễ giỗ Quốc tổ Hùng Vương, Lễ tri ân và trưởng thành, ngày Hội giới thiệu ngôi trường tiểu học của em [H5-5.3-02].

c) Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp đều được nhà trường thông báo rộng rãi và thu hút số lượng lớn học sinh đăng ký tham gia. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế của cha mẹ học sinh còn hạn hẹp, một số học sinh còn chưa tham gia các hoạt động ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

#### Mức 2:

Các hoạt động giáo dục và ngoại khóa được nhà trường tổ chức hiệu quả. Nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục chú trọng tạo cơ hội cho học sinh tham gia trải nghiệm, sáng tạo, rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho bản thân [H5-5.3-02]. Tuy nhiên học sinh tham gia chưa tích cực, số lượng học sinh tham gia các câu lạc bộ theo sở thích chưa nhiều.

#### Mức 3:

Nhà trường chưa thực hiện được nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã tổ chức nhiều hình thức hoạt động ngoài giờ lên lớp phù hợp với lứa tuổi và nhu cầu của học sinh, tạo được sự hứng thú, góp phần nâng cao chất lượng học tập và rèn luyện đạo đức cho học sinh

### **3. Điểm yếu**

Các hoạt động tổ chức ngoài nhà trường học sinh tham gia chưa tích cực, số lượng học sinh tham gia các câu lạc bộ theo sở thích chưa nhiều.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023- 2024, Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch tiếp tục phát huy thế mạnh thông qua việc tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với lứa tuổi học sinh, giúp các em được phát huy năng lực, sở trường để phát triển toàn diện. Tăng cường vận

động mạnh thường quân, xây dựng kế hoạch sử dụng quỹ khuyến học để hỗ trợ các học sinh chưa đủ điều kiện về kinh tế có thể tham gia các hoạt động ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm ngoài trường. Tiếp tục xây dựng và thực hiện chương trình, tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh nhằm thu hút học sinh tham gia, rèn luyện.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

***Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học***

Mức 1:

- a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;
- b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;

c) Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.

Mức 2:

*Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.*

Mức 3:

*Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hiệu trưởng xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trên cơ sở nội dung kế hoạch giáo dục của nhà trường và tình hình thực tế địa phương; phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Tân An Hội, tổ trưởng các ấp có học sinh thuộc diện quản lý của nhà trường thực hiện hiệu quả công tác phổ cập giáo dục tiểu học [H5-5.4-01]. Nhà trường còn tạo điều kiện thuận lợi để học sinh khuyết tật được học hòa nhập tại trường [H5-5.4-02].

b) Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tuyển sinh, thành lập Ban tuyển sinh theo từng năm học. Hằng năm, nhà trường kết hợp với chính quyền địa phương huy động, lập danh sách và tổ chức tiếp nhận 100% học sinh đúng độ tuổi vào lớp 1 theo địa bàn tiếp nhận của trường, đảm bảo chỉ tiêu theo kế hoạch tuyển sinh của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi. Tuy nhiên, trường vẫn còn một vài

trường hợp học sinh ra lớp trễ tuổi so với quy định do gia đình mới chuyển từ nơi khác đến tạm trú [H2-2.4-01].

c) Hồ sơ phổ cập giáo dục tiểu học được cập nhật thường xuyên, quản lý, lưu trữ đầy đủ số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ [H5-5.4-01].

Mức 2:

Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 của trường trong những năm qua luôn đạt 100% [H1-1.1-04]; [H2-2.4-01].

Mức 3:

Tỷ lệ trẻ 6 tuổi ra lớp của nhà trường luôn đạt 100% và duy trì, ổn định trong suốt các năm học qua [H1-1.1-04]; [H2-2.4-01].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã triển khai thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục; phối hợp nhịp nhàng với địa phương huy động 100% trẻ trong độ tuổi ra lớp, tạo điều kiện thuận lợi để học sinh khuyết tật học hòa nhập với học sinh phổ thông.

## **3. Điểm yếu**

Vẫn còn một số trường hợp học sinh lớp 1 ra lớp trễ tuổi so với quy định.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm 2023-2024, hiệu trưởng tiếp tục phối hợp chặt chẽ với địa phương, các cơ quan đoàn thể trên địa bàn thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục; tạo mọi điều kiện thuận lợi để học sinh có hoàn cảnh khó khăn được đến lớp, học sinh khuyết tật được học hòa nhập.

Kịp thời phối hợp với Hội Khuyến học xã Tân An Hội, ban điều hành các áp vận động học sinh lớp 1 ra lớp đủ chỉ tiêu phân bổ và đúng thời gian quy định.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

### ***Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục***

Mức 1:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;
- b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;
- c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.

Mức 2:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

Mức 3:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

- a) Trong 05 năm, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt từ 99,87% đến 100% [H5-5.5-01].
- b). Trong 05 năm, tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt từ 98,24% đến 100% [H5-5.5-02].
- c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100% [H5-5.5-01].

Mức 2:

- a) Nhiều năm liền, Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch có tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học 100% [H5-5.5-01].

b) Nhiều năm liền, tỷ lệ trẻ em 11 tuổi của trường hoàn thành chương trình tiểu học luôn đạt 100% [H5-5.5-02].

*Mức 3:*

a) Nhiều năm liền, Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch có tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt từ 99,87 đến 100% [H5-5.5-01].

b) Nhiều năm liền, tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học của trường luôn đạt 100% [H5-5.5-02].

## **2. Điểm mạnh**

Chất lượng học tập của học sinh ngày càng được nâng cao qua từng năm học.

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học, hoàn thành chương trình tiểu học cao hơn quy định..

## **3. Điểm yếu**

Vẫn còn một vài học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024, trường tiếp tục giữ vững và phát huy kết quả hoàn thành chương trình lớp học và hoàn thành chương trình tiểu học.

Giáo viên chủ nhiệm tiếp tục tăng cường công tác phụ đạo học sinh cần quan tâm, nhất là học sinh còn hạn chế về kiến thức. Giáo viên giảng dạy theo hướng dạy học cá thể, giúp các em học tập tiến bộ hơn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn trường trong những năm học tiếp theo.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.**

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 5:**

#### **Điểm mạnh nổi bật:**

Kế hoạch giáo dục nhà trường được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị và triển khai thực hiện đầy đủ, đúng tiến độ.

Nhà trường có xây dựng kế hoạch tạo điều kiện cho học sinh phát triển toàn diện, tổ chức tốt các hoạt động giáo dục khác với nhiều hình thức đa dạng, phong

phù và phù hợp với lứa tuổi học sinh; thực hiện tốt mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi.

Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%.

Kết quả xếp loại giáo dục của học sinh trong nhà trường được giữ vững, đáp ứng mục tiêu giáo dục hàng năm.

**Điểm yếu cơ bản:**

Việc giám sát của cộng đồng đối với việc thực hiện các kế hoạch nhà trường đôi lúc chưa thường xuyên, kịp thời.

Do điều kiện kinh tế của cha mẹ học sinh còn hạn hẹp nên khi nhà trường tổ chức hoạt động ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm ngoài trường các em học sinh chưa tham gia nhiều.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 05/05**

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/05**





**Phần IV**  
**PHỤ LỤC**  
**BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG**

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                     | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b> |
|---------------------|-----------|----------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
| <b>Tiêu chí 1.1</b> | 1         | [H1-1.1-01]          | Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường.                | Số 391 /KH-THNVL ngày 11/12/2020                                                 | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                  |
|                     | 2         | [H1-1.1-02]          | Biên bản họp hội đồng sư phạm.                            | Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023                                       | Văn thư                                          | Văn thư                      |
|                     | 3         | [H1-1.1-03]          | Kế hoạch năm học và Kế hoạch giáo dục nhà trường.         | Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023                                       | Hiệu trưởng                                      | Văn thư                      |
|                     | 4         | [H1-1.1-04]          | Báo cáo tổng kết/Tổng kết chuyên môn năm học.             | Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023                                       | Hiệu trưởng                                      | Văn thư                      |
| <b>Tiêu chí 1.2</b> | 1         | [H1-1.2-01]          | Quyết định Thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2023 – 2028 | Số 4694/QĐ-UBND ngày 22/ 5 /2023, của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi.              | Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi                     | Văn thư                      |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                 | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>     | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b> |
|---------------------|-----------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
|                     | 2         | [H1-1.2-02]          | Quyết định Hội đồng thi đua khen thưởng.                              | Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Hiệu trưởng                                      | Văn thư                      |
|                     | 3         | [H1-1.2-03]          | Quyết định thành lập Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm.             | Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Hiệu trưởng                                      | Văn thư                      |
|                     | 4         | [H1-1.2-04]          | Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học                                      | Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                  |
| <b>Tiêu chí 1.3</b> | 1         | [H1-1.3-01]          | Quyết định chuẩn y Ban chấp hành Công đoàn. Danh sách Công đoàn viên. | Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Chủ tịch công đoàn                               | Chủ tịch công đoàn           |
|                     | 2         | [H1-1.3-02]          | Quyết định chuẩn y Ban chấp hành Chi đoàn. Danh sách đoàn viên.       | Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Chủ tịch công đoàn                               | Chủ tịch công đoàn           |
|                     | 3         | [H1-1.3-03]          | Quyết định chuẩn y Ban chỉ huy Liên đội.                              | Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021                                             | Tổng phụ trách                                   | Tổng phụ trách               |

| <b>Tiêu chí</b> | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                  | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>     | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b>        |
|-----------------|-----------|----------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------|
|                 |           |                      |                                                        | Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023                                             |                                                  |                                     |
|                 | 4         | [H1-1.3-04]          | Danh sách Chi hội Khuyến học, chi hội Chữ thập đỏ.     | Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng                     |
|                 | 5         | [H1-1.3-05]          | Biên bản sinh hoạt Công đoàn, Chi đoàn.                | Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Chủ tịch công đoàn, Bí thư chi đoàn              | Chủ tịch công đoàn, Bí thư chi đoàn |
|                 | 6         | [H1-1.3-06]          | Hình ảnh hoạt động của Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội.  | Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Chủ tịch công đoàn, Bí thư chi đoàn              | Chủ tịch công đoàn, Bí thư chi đoàn |
|                 | 7         | [H1-1.3-07]          | Quyết định chuẩn y Chi ủy chi bộ, danh sách đảng viên. | Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Đảng ủy Thị trấn Củ Chi                          | Chi bộ                              |
|                 | 8         | [H1-1.3-08]          | Biên bản sinh hoạt chi bộ, Nghị quyết chi bộ.          | Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Bí thư chi bộ                                    | Chi bộ                              |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                            | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>       | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b>                 |
|---------------------|-----------|----------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------|
|                     | 9         | [H1-1.3-09]          | Kết quả phân tích chất lượng Chi bộ, đảng viên.                  | Từ năm 2018 đến năm 2022                                                               | Chi ủy viên                                      | Chi bộ                                       |
|                     | 10        | [H1-1.3-10]          | Báo cáo tổng kết Công đoàn.                                      | Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023   | Chủ tịch công đoàn                               | Chủ tịch công đoàn                           |
|                     | 11        | [H1-1.3-11]          | Hình ảnh hoạt động Công đoàn, Chi đoàn và công tác thiện nguyện. | Từ năm học 2018- 2019 đến năm học 2022-2023                                            | Chủ tịch công đoàn, Bí thư chi đoàn, TPT Đội     | Chủ tịch công đoàn, Bí thư chi đoàn, TPT Đội |
| <b>Tiêu chí 1.4</b> | 1         | [H1-1.4-01]          | Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng                                  | Quyết định số 7903/QĐ-UBND, ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi. | Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi                     | Văn thư                                      |
|                     | 2         | [H1-1.4-02]          | Quyết định bổ nhiệm phó hiệu trưởng.                             | Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban                         | Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi                     | Văn thư                                      |

| <b>Tiêu chí</b> | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                     | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>     | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b> |
|-----------------|-----------|----------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
|                 |           |                      |                                                           | nhân dân huyện Củ Chi.                                                               |                                                  |                              |
|                 | 3         | [H1-1.4-03]          | Quyết định thành lập tổ chuyên môn và tổ văn phòng.       | Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Hiệu trưởng                                      | Văn thư                      |
|                 | 4         | [H1-1.4-04]          | Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng chuyên môn và tổ văn phòng. | Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Hiệu trưởng                                      | Văn thư, kế toán             |
|                 | 5         | [H1-1.4-05]          | Kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn.                     | Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Tổ trưởng chuyên môn                             | Phó hiệu trưởng              |
|                 | 6         | [H1-1.4-06]          | Biên bản họp tổ chuyên môn. tổ văn phòng                  | Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Tổ trưởng chuyên môn                             | Phó hiệu trưởng              |
|                 | 7         | [H1-1.4-07]          | Hồ sơ chuyên đề.                                          | Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022     | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |

| <b>Tiêu chí</b> | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                 | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>                           | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b> |
|-----------------|-----------|----------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
|                 |           |                      |                                                       | Năm học 2022-2023                                                                                          |                                                  |                              |
|                 | 8         | [H1-1.4-08]          | Hồ sơ đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông. | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                 | 9         | [H1-1.4-09]          | Hồ sơ đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.    | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Hiệu trưởng                                      | Phó hiệu trưởng              |
|                 | 10        | [H1-1.4-10]          | Kế hoạch hoạt động của tổ văn phòng.                  | Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023                       | Tổ trưởng văn phòng                              | Tổ trưởng văn phòng          |
|                 | 11        | [H1-1.4-11]          | Biên bản họp tổ văn phòng.                            | Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023                       | Tổ trưởng văn phòng                              | Tổ trưởng văn phòng          |
|                 | 12        | [H1-1.4-12]          | Biên bản kiểm tra tài chính.                          | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021                                             | Kế toán                                          | Kế toán                      |

| <b>Tiêu chí</b> | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                    | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>                           | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b> |
|-----------------|-----------|----------------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
|                 |           |                      |                                          | Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023                                                                   |                                                  |                              |
|                 | 13        | [H1-1.4-13]          | Hồ sơ đánh giá, xếp loại viên chức.      | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Văn thư                                          | Văn thư                      |
|                 | 14        | [H1-1.4-14]          | Sổ công văn đi, công văn đến.            | Từ năm học 2020 đến năm học 2023                                                                           | Văn thư                                          | Văn thư                      |
|                 | 15        | [H1-1.4-15]          | Biên bản sinh hoạt chuyên đề.            | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                 | 16        | [H1-1.4-16]          | Hình ảnh sinh hoạt chuyên đề chuyên môn. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2022-2023                                                                 | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |



| <b>Tiêu chí</b>     | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                                                 | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>                           | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b> |
|---------------------|-----------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
|                     | 17        | [H1-1.4-17]          | Hình ảnh các hội thi:<br>Hội thi kể chuyện theo sách, Ngày hội đọc sách, Hội thi hùng biện tiếng Anh. | Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023                                                                 | Nhân viên thư viện                               | Thư viện                     |
|                     | 18        | [H1-1.4-18]          | Giấy khen của giáo viên đạt thành tích các cấp.                                                       | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Hiệu trưởng        | Giáo viên                    |
| <b>Tiêu chí 1.5</b> | 1         | [H1-1.5-01]          | Sổ đăng bộ; danh sách các lớp theo từng năm học.                                                      | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Học vụ                                           | Học vụ                       |
|                     | 2         | [H1-1.5-02]          | Sổ chủ nhiệm.                                                                                         | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 3         | [H1-1.5-03]          | Hình ảnh hoạt động lớp                                                                                | Năm học 2018- 2019                                                                                         | GVCN                                             | GVCN                         |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                   | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>                           | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b> |
|---------------------|-----------|----------------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
|                     |           |                      | học.                                    | Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023                       |                                                  |                              |
| <b>Tiêu chí 1.6</b> | 1         | [H1-1.6-01]          | Sổ đăng bộ.                             | Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024                                                                 | Học vụ                                           | Học vụ                       |
|                     | 2         | [H1-1.6-02]          | Bảng tổng hợp kết quả giáo dục.         | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 3         | [H1-1.6-03]          | Học bạ học sinh.                        | Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024                                                                 | Học vụ                                           | Học vụ                       |
|                     | 4         | [H1-1.6-04]          | Hợp đồng sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 5         | [H1-1.6-05]          | Sổ khen thưởng.                         | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021                                                                     | Học vụ                                           | Học vụ                       |

| <b>Tiêu chí</b> | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>               | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>                           | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b>         |
|-----------------|-----------|----------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------|
|                 |           |                      |                                     | Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023                                                                   |                                                  |                                      |
|                 | 6         | [H1-1.6-06]          | Sổ quản lý tài sản.                 | Từ năm học 2019đến năm học 2022                                                                            | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng, kế toán             |
|                 | 7         | [H1-1.6-07]          | Hồ sơ phổ cập giáo dục tiểu học.    | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Giáo viên phụ trách phổ cập giáo dục             | Giáo viên phụ trách phổ cập giáo dục |
|                 | 8         | [H1-1.6-08]          | Biên bản kiểm tra hồ sơ học vụ.     | Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023                                             | Học vụ                                           | Học vụ                               |
|                 | 9         | [H1-1.6-09]          | Quy chế chi tiêu nội bộ.            | Từ năm học 2018 đến năm 2023                                                                               | Kế toán                                          | Kế toán                              |
|                 | 10        | [H1-1.6-10]          | Báo cáo tài chính, tài sản.         | Từ năm 2017 đến năm 2021                                                                                   | Kế toán                                          | Kế toán                              |
|                 | 11        | [H1-1.6-11]          | Trang thông tin điện tử trường.     | Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023                                                                 | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng                      |
|                 | 12        | [H1-1.6-12]          | Các biên bản kiểm tra của Tài chính | Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022                                                                   | Phòng Tài chính - Kế                             | Kế toán                              |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                  | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>                           | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b> |
|---------------------|-----------|----------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
|                     |           |                      |                                                        | Năm học 2022- 2023                                                                                         | hoạch huyện                                      |                              |
| <b>Tiêu chí 1.7</b> | 1         | [H1-1.7-01]          | Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng.                           | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2023-2024                                                                 | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 2         | [H1-1.7-02]          | Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên.                       | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022-2023  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 3         | [H1-1.7-03]          | Hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên của giáo viên.            | Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022-2023                        | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 4         | [H1-1.7-04]          | Hồ sơ cá nhân cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2023-2024                                                                 | Văn thư                                          | Văn thư                      |
|                     | 5         | [H1-1.7-05]          | Bảng phân công cán bộ-giáo viên-nhân viên.             | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Hiệu trưởng                                      | Văn thư                      |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                            | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>                           | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b> |
|---------------------|-----------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
|                     | 6         | [H1-1.7-06]          | Hồ sơ Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức.                                     | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Hiệu trưởng                                      | Văn thư                      |
|                     | 7         | [H1-1.7-07]          | Danh sách chi lương và các khoản thu nhập khác của cán bộ, giáo viên, nhân viên. | Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2023-2024                                                               | Kế toán, thủ quỹ                                 | Kế toán, thủ quỹ             |
| <b>Tiêu chí 1.8</b> | 1         | [H1-1.8-01]          | Kế hoạch chuyên môn nhà trường.                                                  | Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023                       | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 2         | [H1-1.8-02]          | Hồ sơ kiểm tra nội bộ.                                                           | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
| <b>Tiêu chí 1.9</b> | 1         | [H1-1.9-01]          | Báo cáo của ban thanh tra nhân dân.                                              | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020                                                                   | Trưởng ban Thanh tra                             | Trưởng ban Thanh tra         |

| <b>Tiêu chí</b>      | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                    | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>                           | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b> |
|----------------------|-----------|----------------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
|                      |           |                      |                                                          | Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023                                             | nhân dân                                         | nhân dân                     |
|                      | 2         | [H1-1.9-02]          | Quy chế dân chủ trong nhà trường.                        | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Hiệu trưởng                                      | Văn thư                      |
|                      | 3         | [H1-1.9-03]          | Báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường. | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Chủ tịch công đoàn                               | Chủ tịch công đoàn           |
| <b>Tiêu chí 1.10</b> | 1         | [H1-1.10-01]         | Hồ sơ đảm bảo an ninh trật tự trường học.                | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Hiệu trưởng                                      | Văn thư                      |

| <b>Tiêu chí</b> | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                       | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>                           | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b> |
|-----------------|-----------|----------------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
|                 | 2         | [H1-1.10-02]         | Hồ sơ đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.                    | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Hiệu trưởng                                      | Văn thư                      |
|                 | 3         | [H1-1.10-03]         | Hồ sơ trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích. | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Phó hiệu trưởng                                  | Văn thư                      |
|                 | 4         | [H1-1.10-04]         | Hồ sơ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.             | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                  |
|                 | 5         | [H1-1.10-05]         | Hồ sơ phòng, chống dịch bệnh.                               | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Nhân viên y tế                                   | Nhân viên y tế               |
|                 | 6         | [H1-1.10-06]         | Hồ sơ phòng, chống bạo                                      | Năm học 2018- 2019                                                                                         | Phó Hiệu                                         | Phó Hiệu                     |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                            | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>                           | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b> |
|---------------------|-----------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
|                     |           |                      | lực học đường.                                                                   | Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023                       | trưởng                                           | trưởng                       |
|                     | 7         | [H1-1.10-07]         | Biên bản kiểm tra an toàn thực phẩm.                                             | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Nhân viên y tế                                   | Nhân viên y tế               |
|                     | 8         | H1-1.10-08]          | Hồ sơ nhân viên phục vụ căn tin được khám sức khỏe định kỳ.; an toàn trường học. | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Nhân viên y tế                                   | Nhân viên y tế               |
|                     | 9         | [H1-1.10-09]         | Hồ sơ tiếp công dân.                                                             | Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023                                             | Văn thư                                          | Văn thư                      |
| <b>Tiêu chí 2.1</b> | 1         | [H2-2.1-01]          | Giấy chứng nhận các lớp bồi dưỡng, tập huấn của cán bộ quản lý.                  | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021                                             | Văn thư                                          | Văn thư                      |



| <b>Tiêu chí</b>     | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                  | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>                           | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b> |
|---------------------|-----------|----------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
| <b>Tiêu chí 2.2</b> |           |                      |                                                        | Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023                                                                   |                                                  |                              |
|                     | 2         | [H2-2.1-02]          | Kết quả đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.   | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi                     | Văn thư                      |
|                     | 1         | [H2-2.2-01]          | Hợp đồng thỉnh giảng giáo viên.                        | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Hiệu trưởng                                      | Kế toán                      |
|                     | 2         | [H2-2.2-02]          | Bảng tổng hợp trình độ cán bộ, giáo viên, nhân viên.   | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Văn thư                                          | Văn thư                      |
|                     | 3         | [H2-2.2-03]          | Kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên hàng năm. | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                  |
|                     |           |                      |                                                        |                                                                                                            |                                                  |                              |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                                        | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>                           | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b> |
|---------------------|-----------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
| <b>Tiêu chí 2.3</b> | 1         | [H2-2.3-01]          | Hồ sơ cán bộ viên chức của nhân viên                                                         | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Hiệu trưởng                                      | Văn thư                      |
|                     | 2         | [H2-2.3-02]          | Hồ sơ thi đua khen thưởng.                                                                   | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                  |
|                     | 3         | [H2-2.3-03]          | Chứng chỉ, chứng nhận của nhân viên đã qua lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ. | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Văn thư                                          | Văn thư                      |
| <b>Tiêu chí 2.4</b> | 1         | [H2-2.4-01]          | Hồ sơ tuyển sinh lớp 1.                                                                      | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Học vụ                                           | Học vụ                       |
|                     | 2         | [H2-2.4-02]          | Biên Bản Hội nghị cha mẹ học sinh.                                                           | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020                                                                   | Văn thư                                          | Văn thư                      |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                       | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>                           | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b> |
|---------------------|-----------|----------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
|                     |           |                      |                                             | Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023                                             |                                                  |                              |
|                     | 3         | [H2-2.4-03]          | Danh sách học sinh nhận học bổng, nhận quà. | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Tổng phụ trách                                   | Tổng phụ trách               |
| <b>Tiêu chí 3.1</b> | 1         | [H3-3.1-01]          | Hình ảnh khuôn viên nhà trường.             | Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                                                                     | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 2         | [H3-3.1-02]          | Hình ảnh cổng trường.                       | Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                                                                     | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 3         | [H3-3.1-03]          | Hình ảnh sân trường.                        | Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                                                                     | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
| <b>Tiêu chí 3.2</b> | 1         | [H3-3.2-01]          | Hình ảnh lớp học.                           | Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                                                                     | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 2         | [H3-3.2-02]          | Hình ảnh bàn ghế lớp học.                   | Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                                                                     | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 3         | [H3-3.2-03]          | Hình ảnh khối phòng phục vụ học tập.        | Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                                                                     | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
| <b>Tiêu chí 3.3</b> | 1         | [H3-3.3-01]          | Hình ảnh khối phòng phục vụ học tập         | Năm học 2022-2023                                                                                          | Trưởng Tiểu học                                  | Ảnh hoạt động                |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                   | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>                      | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b> |
|---------------------|-----------|----------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
|                     |           |                      |                                         |                                                                                                       | Nguyễn Văn Lịch                                  |                              |
|                     | 2         | [H3-3.3-02]          | Hình ảnh khối phòng hành chính quản trị | Năm học 2022-2023                                                                                     | Trưởng Tiểu học Nguyễn Văn Lịch                  | Ảnh hoạt động                |
|                     | 3         | [H3-3.3-03]          | Hình ảnh khu để xe                      | Năm học 2022-2023                                                                                     | Trưởng Tiểu học Nguyễn Văn Lịch                  | Ảnh hoạt động                |
| <b>Tiêu chí 3.4</b> | 1         | [H3-3.4-01]          | Hình ảnh các khu nhà vệ sinh.           | Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                                                                | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 2         | [H3-3.4-02]          | Hoá đơn nước máy.                       | Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                                                                | Kế toán                                          | Kế toán                      |
|                     | 3         | [H3-3.4-03]          | Hợp đồng nước uống tinh khiết.          | Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022 | Kế toán                                          | Kế toán                      |
|                     | 4         | [H3-3.4-04]          | Hợp đồng thu gom rác.                   | Năm học 2018-2019                                                                                     |                                                  | Hợp đồng thu gom rác.        |
| <b>Tiêu chí 3.5</b> | 1         | [H3-3.5-01]          | Sổ theo dõi thiết bị                    | Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019                                                                | Nhân viên thư viện                               | Thư viện                     |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                            | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>                      | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b> |
|---------------------|-----------|----------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
|                     |           |                      |                                                  | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022                                           |                                                  |                              |
|                     | 2         | [H3-3.5-02]          | Hình ảnh phòng thiết bị.                         | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022                                           | Nhân viên thư viện                               | Thư viện                     |
|                     | 3         | [H3-3.5-03]          | Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu.             | Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022                      | Nhân viên thư viện                               | Thư viện                     |
|                     | 4         | [H3-3.5-04]          | Sổ quản lý thiết bị.                             | Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022 | Nhân viên thư viện                               | Thư viện                     |
|                     | 5         | [H3-3.5-05]          | Hợp đồng internet.                               | Năm học 2021-2022                                                                                     | Kế toán                                          | Kế toán                      |
|                     | 6         | [H3-3.5-06]          | Hình ảnh đồ dùng dạy học tự làm.                 | Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022                                                                | Nhân viên thư viện                               | Thư viện                     |
| <b>Tiêu chí 3.6</b> | 1         | [H3-3.6-01]          | Danh mục các loại sách, báo, tài liệu tham khảo. | Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020                                           | Nhân viên thư viện                               | Thư viện                     |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>                      | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b> |
|---------------------|-----------|----------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
|                     |           |                      |                                                      | Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022                                                                |                                                  |                              |
|                     | 2         | [H3-3.6-02]          | Kế hoạch hoạt động thư viện.                         | Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022 | Nhân viên thư viện                               | Thư viện                     |
|                     | 3         | [H3-3.6-03]          | Hình ảnh hoạt động thư viện.                         | Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023 | Nhân viên thư viện                               | Thư viện                     |
|                     | 4         | [H3-3.6-04]          | Quyết định/chứng nhận công nhận Thư viện Tiên tiến . | Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023 | Nhân viên thư viện                               | Thư viện                     |
| <b>Tiêu chí 4.1</b> | 1         | [H4-4.1-01]          | Biên bản họp cha mẹ học sinh của các lớp.            | Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023 | Ban đại diện cha mẹ học sinh                     | Văn thư                      |

| <b>Tiêu chí</b> | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                 | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>                      | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b> |
|-----------------|-----------|----------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
|                 | 2         | [H4-4.1-02]          | Biên bản Hội nghị cha mẹ học sinh toàn trường.        | Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023 | Ban đại diện cha mẹ học sinh                     | Văn thư                      |
|                 | 3         | [H4-4.1-03]          | Nghị quyết Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường.   | Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023 | Ban đại diện cha mẹ học sinh                     | Văn thư                      |
|                 | 4         | [H4-4.1-04]          | Biên bản họp Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường. | Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023 | Ban đại diện cha mẹ học sinh                     | Văn thư                      |
|                 | 5         | [H4-4.1-05]          | Báo cáo hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.   | Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023 | Ban đại diện cha mẹ học sinh                     | Văn thư                      |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                                                          | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>                           | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b>    |
|---------------------|-----------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------|
| <b>Tiêu chí 4.2</b> | 1         | [H4-4.2-01]          | Quy chế phối hợp đảm bảo an ninh, trật tự an toàn trường học trên địa bàn xã Tân An Hội ( giai đoạn 2020-2025) | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                           | Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch                  | Văn thư                         |
|                     |           | [H4-4.2-02]          | Các hình ảnh hoạt động giáo dục truyền thống                                                                   | Năm học 2018- 2019<br>Năm học 2019- 2020<br>Năm học 2020- 2021<br>Năm học 2021- 2022<br>Năm học 2022- 2023 | Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch                  | Chuyên môn, TPT Đội             |
|                     |           | [H4-4.2-03]          | Hình ảnh chi đoàn, Tổng phụ trách thăm và tặng quà gia đình thương binh – liệt sĩ.                             | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                           | Tổng phụ trách, Bí thư chi đoàn                  | Tổng phụ trách, Bí thư chi đoàn |
| <b>Tiêu chí 5.1</b> | 1         | [H5-5.1-01]          | Thời khóa biểu.                                                                                                | Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023      | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng                 |
| <b>Tiêu chí 5.2</b> | 1         | [H5-5.2-01]          | Kế hoạch bài dạy của giáo viên.                                                                                | Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                                                | Giáo viên                                        | Giáo viên                       |



| <b>Tiêu chí</b>     | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                                         | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>                      | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b>                     |
|---------------------|-----------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
|                     | 2         | [H5-5.2-02]          | Kế hoạch phụ đạo học sinh yếu.                                                                | Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023 | Phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên | Phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên |
| ,                   | 1         | [H5-5.3-01]          | Các kế hoạch hoạt động ngoại khóa, hoạt động vui chơi, thể dục thể thao, tham quan, giao lưu. | Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023 | Tổng phụ trách, giáo viên thể dục                |                                                  |
|                     | 2         | [H5-5.3-02]          | Hình ảnh các hoạt động ngoại khóa.                                                            | Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023 | Tổng phụ trách                                   | Tổng phụ trách                                   |
| <b>Tiêu chí 5.4</b> | 1         | [H5-5.4-01]          | Hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học.                                                     | Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023 | Giáo viên phụ trách phổ cập giáo dục             | Giáo viên phụ trách phổ cập giáo dục             |
|                     | 2         | [H5-5.4-02]          | Hồ sơ học sinh khuyết                                                                         | Năm học 2018-2019                                                                                     | Phó hiệu                                         | Phó hiệu                                         |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                             | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>                      | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b> |
|---------------------|-----------|----------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
|                     |           |                      | tật học hòa nhập.                                 | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                      | trưởng                                           | trưởng                       |
| <b>Tiêu chí 5.5</b> | 1         | [H5-5.5-01]          | Thống kê kết quả học sinh cuối năm.               | Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023 | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 2         | [H5-5.5-02]          | Hồ sơ xét duyệt hoàn thành chương trình tiểu học. | Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023 | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |